

### CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHẤT LƯỢNG CAO

(Ban hành kèm theo Quyết định số 568/QĐ-ĐHM ngày 24 tháng 3 năm 2021  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh)

#### I. Thông tin tổng quát


1. Ngành đào tạo: **Ngôn ngữ Nhật**
2. Ngành đào tạo tiếng Anh: Japanese
3. Mã ngành: 7220209
4. Trình độ đào tạo: Đại học
5. Hình thức đào tạo: Chính quy, tập trung.
6. Thời gian đào tạo: 4 năm
7. Khối lượng kiến thức toàn khóa (tổng số tín chỉ): **151 tín chỉ**
8. Văn bằng tốt nghiệp: Cử nhân

#### II. Mục tiêu đào tạo

##### 1. Mục tiêu chung (Program Goal)

Chương trình ngành Ngôn ngữ Nhật (NNN) chất lượng cao (CLC) được xây dựng theo định hướng Biên phiên dịch, đào tạo ra những nhân lực có kiến thức và sử dụng thành thạo tiếng Nhật (tương đương trình độ C1 theo Khung tham chiếu Châu Âu, tương đương N2, tức bậc 5/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam), có kiến thức chuyên môn vững vàng trong lĩnh vực biên phiên dịch, có kiến thức về văn hoá xã hội; có những kỹ năng mềm như kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm, khả năng phân tích và giải quyết vấn đề thực tiễn, có đạo đức, ý thức trách nhiệm trong công việc, khả năng thích ứng cao với môi trường doanh nghiệp Nhật Bản; có cơ hội thực tập và làm việc tại Nhật Bản; có năng lực tự học và tự nghiên cứu để có thể tiếp tục theo học các bậc học cao hơn theo ngành Ngôn ngữ học, Ngôn ngữ so sánh đối chiếu, Ngôn ngữ và Văn hoá hoặc Sư phạm Nhật ngữ.

##### 2. Mục tiêu cụ thể (Program Objectives)

Đào tạo Cử nhân ngôn ngữ Nhật (NNN) chất lượng cao (CLC) có kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm như sau: 

Mục tiêu cụ thể	Mô tả
<b>Kiến thức</b>	
PO1	Cung cấp kiến thức nền tảng về xã hội và con người để phục vụ cho phát triển nghề nghiệp và tự hoàn thiện bản thân.
PO2	Cung cấp kiến thức lý thuyết và thực tiễn về hệ thống ngôn ngữ, văn hoá, văn học Nhật Bản để giải quyết các vấn đề chuyên môn.
PO3	Cung cấp kiến thức về chuyên môn Ngành nghề Biên-phiên dịch ngôn ngữ Nhật.
<b>Kỹ năng</b>	
PO4	Giúp người học vận dụng kỹ năng ngôn ngữ chuyên ngành hiệu quả trong học thuật, trong đời sống và trong môi trường lao động.
PO5	Giúp người học nâng cao kỹ năng ngoại ngữ hai tốt để ứng dụng trong đời sống và trong môi trường lao động.
PO6	Phát triển kỹ năng thực hành nghề nghiệp, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giải quyết vấn đề ... để thực hiện nhiệm vụ chuyên môn tương xứng với vị trí nghề nghiệp.
<b>Mức tự chủ và trách nhiệm</b>	
PO7	Phát triển năng lực tự học, có năng lực tự chủ, tinh thần trách nhiệm trong công việc và trong điều kiện làm việc thay đổi.


### III. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

Người học sau khi tốt nghiệp có thể làm việc tại những vị trí việc làm sau:

**1. Vị trí việc làm 1:** Biên-phiên dịch viên tại các công ty có 100% vốn Nhật Bản hay công ty liên doanh với Nhật Bản phụ trách những công việc có liên quan đến lĩnh vực biên dịch hoặc phiên dịch cho các cuộc tiếp xúc song phương.

**2. Vị trí việc làm 2:** Biên dịch viên tại các nhà xuất bản có xuất bản phẩm là tiếng Nhật.

**3. Vị trí việc làm 3:** Nhân viên văn phòng trong các công ty có 100% vốn Nhật Bản hay liên doanh với Nhật Bản.

**4. Vị trí việc làm 4:** Hướng dẫn viên hoặc nhân viên hỗ trợ khách hàng tại các công ty du lịch, nhà hàng - khách sạn, ngân hàng... có đối tác, khách hàng là người Nhật Bản sau khi có các chứng chỉ nghiệp vụ liên quan. 

**5. Vị trí việc làm 5:** Giáo viên giảng dạy tiếng Nhật tại các trung tâm Nhật ngữ hoặc Giảng viên tại trường đại học sau khi học thêm một số học phần bổ túc kiến thức nghiệp vụ giảng dạy.

**6. Vị trí khác:** Công tác tại các cơ quan như Đại sứ quán, Lãnh sự quán Nhật Bản hay các tổ chức, cơ quan Việt Nam hợp tác với Nhật Bản có nhu cầu tuyển dụng nhân viên biết tiếng Nhật.

#### IV. Chuẩn đầu ra

Sau khi tốt nghiệp khóa đào tạo, Cử nhân ngôn ngữ Nhật (NNN) chất lượng cao (CLC) sẽ đạt được các yêu cầu về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm như sau:

Chuẩn đầu ra	Mô tả
<b>Kiến thức</b>	
<b>PO1: Cung cấp kiến thức nền tảng về xã hội và con người để phục vụ cho phát triển nghề nghiệp và tự hoàn thiện bản thân.</b>	
<b>PLO1:</b> Có các kiến thức cơ bản về chính trị, pháp luật, khoa học xã hội, nhân văn cho việc giải thích, phân tích những vấn đề trong công việc và cuộc sống.	
PLO1.1	Vận dụng được những quan điểm khoa học về tính cách mạng, tính nhân văn của chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối chính sách của Đảng để giải quyết các vấn đề cơ bản trong thực tiễn.
PLO1.2	Giải thích được một số vấn đề cơ bản về xã hội và con người phục vụ cho công việc và cuộc sống, phương pháp nghiên cứu khoa học.
PLO1.3	Giải thích được bản chất, vai trò của pháp luật để hiểu biết và có ý thức tuân thủ luật pháp trong công việc và cuộc sống.
<b>PLO2: Có kiến thức về ngôn ngữ (Tiếng Việt, Tiếng Anh) và Tin học</b>	
PLO2.1	Vận dụng kiến thức về sử dụng tiếng Việt để phục vụ cho đời sống và công việc biên-phiên dịch.
PLO2.2	Vận dụng kiến thức tiếng Anh để phục vụ công việc.
PLO2.3	Biết sử dụng máy tính, Internet và cách soạn thảo văn bản.
<b>PO2: Cung cấp kiến thức lý thuyết và thực tiễn về hệ thống ngôn ngữ, văn hoá-văn học, lịch sử-địa lý Nhật Bản để giải quyết các vấn đề chuyên môn.</b>	
<b>PLO3: Áp dụng kiến thức cơ sở ngành, các bình diện kiến thức ngôn ngữ Nhật Bản, kiến thức văn hoá, văn học vào chuyên môn.</b>	
PLO3.1	Vận dụng được kiến thức về kỹ năng ngôn ngữ vào hoạt động giao tiếp, công tác trong chuyên môn.
PLO3.2	Vận dụng được kiến thức về các cấp độ bình diện của tiếng Nhật như ngữ âm, hình thái, từ vựng, cú pháp, ngữ nghĩa trong hệ thống lý thuyết ngôn ngữ Nhật để tạo ra sản phẩm ngôn ngữ có tính chính xác cao.
PLO3.3	Trình bày được những đặc trưng về văn hoá-văn học, lịch sử-địa lý Nhật Bản.

Chuẩn đầu ra	Mô tả
PLO3.4	Phân tích, đối sánh với văn hoá-văn học, lịch sử-địa lý Việt Nam và vận dụng kiến thức này vào công việc chuyên môn.
<b>PO3: Cung cấp kiến thức về chuyên môn Ngành nghề Biên-phiên dịch ngôn ngữ Nhật</b>	
<b>PLO4: Áp dụng các kiến thức thuộc lĩnh vực chuyên ngành Biên-phiên dịch ngôn ngữ Nhật trong việc vận dụng, giải quyết các vấn đề chuyên môn.</b>	
PLO4.1	Hiểu được đặc tính của nghề Phiên dịch và vai trò của lý thuyết dịch trong chuyên ngành Biên dịch
PLO4.2	Vận dụng được các nguyên tắc cơ bản của lý thuyết dịch (phương pháp và qui trình) trong thực hành nghề nghiệp, công tác chuyên môn.
PLO4.3	Tổng hợp được các thuật ngữ liên quan đến lĩnh vực dịch thuật (thương mại, du lịch, dịch vụ...)
PLO4.4	Đánh giá được kết quả khi vận dụng các lý thuyết trong thực tiễn để có những điều chỉnh phù hợp trong các tình huống, môi trường khác nhau.
<b>Kỹ năng</b>	
<b>PO4: Giúp người học vận dụng kỹ năng ngôn ngữ chuyên ngành hiệu quả trong học thuật, trong đời sống và trong môi trường lao động.</b>	
<b>PLO5: Vận dụng kỹ năng ngôn ngữ hiệu quả trong cuộc sống và trong công việc</b>	
PLO5.1	Vận dụng các kỹ năng Nghe, Nói, Đọc,Viết thành thạo và hiệu quả vào hoạt động giao tiếp hằng ngày và hoạt động thực tiễn trong lĩnh vực chuyên môn, bước đầu hình thành năng lực phát triển nghề nghiệp.
PLO5.2	Đạt chuẩn kỹ năng ngôn ngữ Nhật Bản tương đương Bậc 5 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (tương đương cấp độ C1 Khung tham chiếu Châu Âu, tương đương cấp độ N2 theo chuẩn năng lực tiếng Nhật do Hiệp hội hỗ trợ quốc tế Nhật bản và Quỹ giao lưu quốc tế Nhật Bản tổ chức)
PLO5.3	Có kỹ năng sử dụng tiếng Việt đúng chuẩn ngôn ngữ và chuẩn phong cách, kĩ năng phân tích và soạn thảo văn bản trên máy tính.
<b>PO5: Giúp người học nâng cao kỹ năng ngoại ngữ hai tốt để ứng dụng trong đời sống và trong môi trường lao động.</b>	
<b>PLO6: Có kỹ năng sử dụng ngoại ngữ hai để giao tiếp</b>	
PLO6.1	Giao tiếp được bằng một ngoại ngữ khác (Tiếng Anh) ở mức độ trôi chảy, tự nhiên, đạt chuẩn đầu ra tương đương bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.
PLO6.2	Sử dụng được một ngoại ngữ khác để viết báo cáo hoặc email có nội dung đơn giản hoặc trình bày ý kiến liên quan đến công việc chuyên môn
<b>PO6: Phát triển kỹ năng thực hành nghề nghiệp, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giải quyết vấn đề ... để thực hiện nhiệm vụ chuyên môn tương xứng với vị trí nghề nghiệp</b>	
<b>PLO7: Hình thành kỹ năng thực hành nghề nghiệp trong lĩnh vực biên dịch</b>	
PLO7.1	Có kỹ năng phân tích câu, đoạn văn để đảm bảo độ chính xác trong việc chuyển

Chuẩn đầu ra	Mô tả
	dịch từ ngữ nguồn sang ngữ đích.
PLO7.2	Sử dụng thành thạo các kiến thức đã học để phân tích đánh giá văn bản khi tiến hành công việc biên dịch, đặc biệt là những văn bản khó, phức tạp.
PLO7.3	Có kỹ năng tra cứu và lựa chọn ngữ liệu chính xác khi tiến hành công việc biên dịch.
PLO7.4	Xử lý được các câu, đoạn, nội dung mà ngữ đích không có cách nói tương tự như ngữ nguồn sao cho vẫn phải phù hợp với văn phong và ngữ cảnh của ngữ đích.
<b>PLO8: Hình thành kỹ năng thực hành nghề nghiệp trong lĩnh vực phiên dịch.</b>	
PLO8.1	Biết quan sát và lắng nghe
PLO8.2	Ghi nhận và xử lý thông tin để truyền tải nhanh, chính xác.
PLO8.3	Lựa chọn từ ngữ, cú pháp phù hợp với từng ngữ cảnh.
PLO8.4	Dịch chính xác, phù hợp với văn hoá văn phong từ ngữ nguồn sang ngữ đích.
<b>PLO9: Có kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin vào chuyên môn</b>	
PLO9.1	Có kỹ năng sử dụng máy tính, xử lý văn bản, sử dụng bảng tính, sử dụng trình chiếu, sử dụng Internet cho các công việc phổ biến. Người học tốt nghiệp đạt chuẩn chứng chỉ Ứng dụng Công nghệ thông tin nâng cao.
PLO9.2	Sử dụng được các ứng dụng công nghệ dịch thuật, các trang web luyện phát âm (Trados, OJAD) phục vụ cho công tác chuyên môn.
<b>PLO10: Kỹ năng thuyết trình và giao tiếp hiệu quả trong môi trường hội nhập</b>	
PLO10.1	Giao tiếp tự tin và hòa nhã qua lời nói hoặc bằng văn bản (trao đổi, thuyết trình).
PLO10.2	Hiểu rõ vị trí, nhiệm vụ của biên-phiên dịch viên trong các mối quan hệ công việc để xác định chiến lược giao tiếp phù hợp.
PLO10.3	Có kỹ năng quản lý thời gian, quản lý công việc của bản thân hiệu quả.
<b>PLO11: Khả năng tư duy hệ thống, giải quyết vấn đề</b>	
PLO11.1	Có khả năng lập luận, tư duy logic và hệ thống khi tiếp cận và xử lý các vấn đề trong lĩnh vực chuyên môn.
PLO11.2	Thể hiện được khả năng xoay chuyển, ứng biến, xử lý vấn đề nhanh chóng trong công tác chuyên môn, có năng lực phân tích yêu cầu và thực thi.
<b>PLO12: Có năng lực làm việc độc lập và làm việc theo nhóm</b>	
PLO12.1	Có kỹ năng làm việc cá nhân và làm việc trong các nhóm khác nhau.
PLO12.2	Biết cách chia sẻ thông tin, biết tôn trọng sự khác biệt giữa các thành viên trong nhóm và tìm sự thống nhất qua thảo luận.
PLO12.3	Phối hợp tốt với các thành viên trong nhóm, hoàn thành công việc hiệu quả, đúng kế hoạch.
<b>Mức tự chủ và trách nhiệm</b>	

Chuẩn đầu ra	Mô tả
<b>PO7: Phát triển năng lực tự học, có năng lực tự chủ, tinh thần trách nhiệm trong công việc và trong điều kiện làm việc thay đổi.</b>	
<b>PLO13: Thích nghi được sự thay đổi của xã hội, cơ cấu của tổ chức và phát triển năng lực bản thân.</b>	
PLO13.1	Hiểu văn hóa tổ chức, chiến lược, mục tiêu và kế hoạch phát triển của tổ chức, nhận thức và thích nghi được bối cảnh tổ chức để phát triển nghề nghiệp và công việc chuyên môn. Chịu được áp lực để tổ chức và hoàn thành tốt công việc.
PLO13.2	Hình thành năng lực tự học, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ để hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao.
PLO13.3	Có khả năng thực hiện nghiên cứu khoa học phù hợp với chuyên ngành. Tham gia ít nhất 1 đề tài nghiên cứu khoa học theo nhóm nghiên cứu do các giảng viên hướng dẫn hoặc tham gia đề tài nghiên cứu khoa học với giảng viên.
<b>PLO14: Phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, có ý thức trách nhiệm đối với cá nhân, cộng đồng, ý thức phục vụ đất nước.</b>	
PLO14.1	Thực hiện đạo đức nghề nghiệp biên-piên dịch (trung thực, bảo mật thông tin...), trung thành với tổ chức.
PLO14.2	Lễ độ, khiêm tốn, trung thực. Tác phong làm việc chuyên nghiệp, kiên nhẫn và cẩn thận trong công việc, không nguy biện, tuân thủ qui tắc đúng giờ.
PLO14.3	Tôn trọng pháp luật, có trách nhiệm với xã hội, nhiệt tình tham gia các hoạt động xã hội và có lối sống tích cực.

#### V. Đối tượng tuyển sinh

Thực hiện theo Đề án tuyển sinh hàng năm của Trường.

#### VI. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

##### 1. Quy trình đào tạo

Chương trình thực hiện theo Quy chế đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ hiện hành của Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh.

##### 2. Điều kiện tốt nghiệp

Người học được công nhận tốt nghiệp khi hội đủ các điều kiện được quy định bởi Quy chế đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ hiện hành và Quy định về đào tạo chất lượng cao trình độ Đại học hiện hành của Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh.

Có chứng chỉ Giáo dục Quốc phòng và hoàn thành môn học Giáo dục Thể Chất.  
Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khoá đạt từ 2,00 trở lên.

Có Chứng chỉ Năng lực Nhật ngữ cấp độ 2 (JLPT-N2) do Hiệp hội hỗ trợ quốc tế

*MW*

Nhật Bản và Quỹ giao lưu quốc tế Nhật Bản tổ chức, cấp bằng hoặc **chứng chỉ J-TEST cấp độ B** do Hiệp hội Kiểm định Năng lực tiếng Nhật thực dụng tổ chức, cấp bằng và **đạt bài thi Kiểm tra năng lực Nghe-nói** do Trường Đại học Mở TP.Hồ Chí Minh tổ chức.

#### VII. Cách thức đánh giá

Chương trình sử dụng thang điểm 10 để đánh giá môn học, quy tương đương sang điểm chữ và thang điểm 4 theo Quy chế đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ hiện hành của Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh.

#### VIII. Nội dung chương trình

##### 1. Cấu trúc chương trình

STT	Cấu trúc CTĐT	Số tín chỉ			Tỷ lệ (%)
		Tổng số	Bắt buộc	Tự chọn	
<b>1.</b>	<b>Kiến thức giáo dục đại cương</b>	<b>54</b>	<b>41</b>	<b>13</b>	<b>37.2</b>
1.1.	Lý luận chính trị	11	11		
1.2.	Kiến thức khoa học xã hội - nhân văn và luật	10	0	10	
1.3.	Kiến thức tin học	3		3	
1.4.	Ngoại ngữ	30	30		
1.5.	Giáo dục thể chất	3	1.5	1.5	
1.6.	Giáo dục quốc phòng - an ninh	8	8	0	
<b>2.</b>	<b>Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b>	<b>87</b>	<b>73</b>	<b>14</b>	<b>55.9</b>
2.1.	Kiến thức cơ sở (khối ngành, nhóm ngành, ngành)	32	32		
2.2.	Kiến thức ngành	17	15	2	
2.3.	Kiến thức chuyên ngành	28	20	8	
2.4.	Kiến thức bổ trợ	10	6	4	
<b>3.</b>	<b>Thực tập tốt nghiệp và Khóa luận tốt nghiệp (hoặc môn thay thế)</b>	<b>10</b>	<b>4</b>	<b>6</b>	<b>6.9</b>
3.1.	Thực tập tốt nghiệp	4	4		
3.2.	Khóa luận tốt nghiệp	6		6	
3.3.	Môn thay thế	6		6	
<b>Tổng cộng</b>		<b>151</b>	<b>118</b>	<b>33</b>	

##### 2. Nội dung chương trình

STT	Tên môn học (Tiếng Việt/Tiếng Anh)	Mã môn học	Khối lượng kiến thức		Ghi chú
			Lý thuyết	Thực hành	
<b>1. Kiến thức giáo dục đại cương</b>			<b>42.5</b>	<b>11.5</b>	
<b>a)</b>	<b>Lý luận chính trị</b>		<b>10.5</b>	<b>0.5</b>	
1	Triết học Mác - Lênin Marxist - Leninist phylosophy	POLI1304	3		
2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin Marxist - Leninist Political Economics	POLI1205	2		
3	Chủ nghĩa Xã hội khoa học Scientific Socialism	POLI1206	2		
4	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam History of Vietnamese communist party	POLI1207	2		
5	Tư tưởng Hồ Chí Minh Ho Chi Minh's Ideology	POLI1208	1.5	0.5	
<b>b)</b>	<b>Kiến thức khoa học xã hội - nhân văn và luật</b>		<b>10</b>		
	Chọn <i>ba</i> môn trong danh mục các môn học sau:		<b>7</b>		
6	An sinh xã hội Social Welfare	SWOR6301	3		
7	Xã hội học đại cương Introduction to Sociology	SOCI6301	3		
8	Tâm lý học đại cương Introduction to Psychology	SOCI6302	3		
9	Giao tiếp trong kinh doanh Business Communication	BADM6301	2	1	
10	Đại cương văn hoá Việt Nam Introduction to Vietnam culture	VIET6301	3		
11	Lịch sử văn minh thế giới History of World Civilization	SEAS6303	2	1	
12	Thực hành văn bản tiếng Việt A Practical Analyse of Vietnamese Text	VIET6202	2		
13	Tiếng Việt thực hành Introduction to Vietnamese Linguistics	VIET6201	2		
14	Cơ sở ngôn ngữ học The Vietnamese Language	VIET6302	3		
15	Ngôn ngữ học so sánh đối chiếu Comparative and Contrastive Linguistics	VIET6303	3		



STT	Tên môn học (Tiếng Việt/Tiếng Anh)	Mã môn học	Khối lượng kiến thức		Ghi chú
			Lý thuyết	Thực hành	
	<b>Kiến thức luật</b>		3		
	Chọn <i>một</i> môn trong danh mục các môn học sau:				
16	Pháp luật đại cương Introduction to Law	GLAW6301	3		
17	Lý luận nhà nước và pháp luật Theories of State and Law	BLAW6301	3		
	<b>Kiến thức tin học</b>		2	1	
c)	Chọn <i>một</i> môn trong danh mục các môn học sau:				
18	Nhập môn tin học Introduction to Informatics	ITEC6301	2	1	
19	Tin học đại cương Information Technology Basics	COMP6301	2	1	
20	Tin học ứng dụng Applied Computer Science	COMP6302	2	1	
e)	<b>Tiếng Anh (hoặc ngoại ngữ phụ)</b>		<b>20</b>	<b>10</b>	
21	Tiếng Anh nâng cao 1 Academic English 1	GENG1339	2	1	
22	Tiếng Anh nâng cao 2 Academic English 2	GENG1340	2	1	
23	Tiếng Anh nâng cao 3 Academic English 3	GENG1341	2	1	
24	Tiếng Anh nâng cao 4 Academic English 4	GENG1342	2	1	
25	Tiếng Anh nâng cao 5 Academic English 5	GENG1343	2	1	
26	Tiếng Anh nâng cao 6 Academic English 6	GENG1344	2	1	
27	Tiếng Anh nâng cao 7 Academic English 7	GENG1345	2	1	
28	Tiếng Anh nâng cao 8 Academic English 8	GENG1346	2	1	
29	Tiếng Anh nâng cao 9 Academic English 9	GENG1347	2	1	
30	Tiếng Anh nâng cao 10 Academic English 10	GENG1348	2	1	

STT	Tên môn học (Tiếng Việt/Tiếng Anh)	Mã môn học	Khối lượng kiến thức		Ghi chú
			Lý thuyết	Thực hành	
f)	<b>Giáo dục thể chất</b>			3	
	<i>Bắt buộc</i>				
31	Giáo dục thể chất 1 Physical Education 1	PEDU0201		1.5	
	<i>Tự chọn: Chọn 1 trong các môn sau đây:</i>				
32	GDTC2 - Bóng chuyền Physical Education 2 - Volleyball	PEDU0202		1.5	
33	GDTC2 - Bóng đá Physical Education 2 - Football	PEDU0203		1.5	
34	GDTC2 - Cầu lông Physical Education 2 - Badminton	PEDU0204		1.5	
35	GDTC2 - Võ thuật Physical Education 2 - Martial Art	PEDU0205		1.5	
36	GDTC2 - Bóng bàn Physical Education 2 - Table Tennis	PEDU0206		1.5	
37	GDTC2 - Bơi lội Physical Education 2 - Swimming	PEDU0207		1.5	
38	GDTC2 - Bóng rổ Physical Education 2 - Basketball	PEDU0208		1.5	
g)	<b>Giáo dục quốc phòng - an ninh</b>		5	3	
39	Giáo dục quốc phòng và an ninh: Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam Nation Defense and Security Education: National Defense and Security Lines of the Vietnamese Communist Party	DEDU0301	3		
40	Giáo dục quốc phòng và an ninh: Công tác quốc phòng và an ninh Defense and Security Education: Defense and Security Work	DEDU0202	2		
41	Giáo dục quốc phòng và an ninh: Quân sự chung Defense and Security Education: General Military	DEDU0103		1	

STT	Tên môn học (Tiếng Việt/Tiếng Anh)	Mã môn học	Khối lượng kiến thức		Ghi chú
			Lý thuyết	Thực hành	
42	Giáo dục quốc phòng và an ninh: Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật Defense and Security Education: Infantry Fighting Techniques and Tactics	DEDU0204		2	
<b>2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b>			<b>49</b>	<b>38</b>	
a)	<b>Kiến thức cơ sở (khối ngành, nhóm ngành, ngành)</b>		<b>19</b>	<b>13</b>	
43	Ngữ pháp tiếng Nhật Japanese Grammar	JAPA5401	3	1	
44	Nghe - Nói 1 Listening - Speaking Skills 1	JAPA5312	2	1	
45	Nghe - Nói 2 Listening - Speaking Skills 2	JAPA5313	2	1	
46	Nghe - Nói nâng cao 1 Advanced Listening - Speaking Skills 1	JAPA5301	2	1	
47	Nghe - Nói nâng cao 2 Advanced Listening - Speaking Skills	JAPA5302	2	1	
48	Kanji - Đọc hiểu trung cấp 1 Kanji-Intermediate Reading Comprehension 1	JAPA5201	1	1	
49	Kanji - Đọc hiểu trung cấp 2 Kanji - Intermediate Reading Comprehension 2	JAPA5202	1	1	
50	Kanji - Đọc hiểu nâng cao 1 Kanji - Advanced Reading Comprehension 1	JAPA5203	1	1	
51	Kanji - Đọc hiểu nâng cao 2 Kanji - Advanced Reading Comprehension 2	JAPA5204	1	1	
52	Kỹ năng Viết 1 Writing Skills 1	JAPA5205	1	1	
53	Kỹ năng Viết 2 Writing Skills 2	JAPA5206	1	1	
54	Kỹ năng Viết 3 Writing Skills 3	JAPA5207	1	1	
55	Kỹ năng Viết 4 Writing Skills 4	JAPA5208	1	1	

STT	Tên môn học (Tiếng Việt/Tiếng Anh)	Mã môn học	Khối lượng kiến thức		Ghi chú
			Lý thuyết	Thực hành	
b)	<b>Kiến thức ngành</b>		<b>10</b>	<b>7</b>	
	<i>Bắt buộc</i>		<b>9</b>	<b>6</b>	
56	Ngữ pháp tiếng Nhật nâng cao 1 Advanced Japanese Grammar 1	JAPA5303	2	1	
57	Ngữ pháp tiếng Nhật nâng cao 2 Advanced Japanese Grammar 2	JAPA5304	2	1	
58	Ngữ âm học tiếng Nhật Japanese Phonetics	JAPA5209	1	1	
59	Cơ sở ngôn ngữ học tiếng Nhật Japanese Linguistics	JAPA5305	2	1	
60	Từ vựng học tiếng Nhật Japanese Vocabulary	JAPA5210	1	1	
61	Văn hóa - phong tục Nhật Bản Japanese Culture & Tradition	JAPA5211	1	1	
	<i>Tự chọn</i>		<b>1</b>	<b>1</b>	
	Chọn <i>một</i> môn trong danh mục các môn học sau:				
62	Văn học Nhật Bản Japanese Literature	JAPA5212	1	1	
63	Địa lý Nhật Bản Geography of Japan	JAPA5213	1	1	
64	Lịch sử Nhật Bản History of Japan	JAPA5214	1	1	
c)	<b>Kiến thức chuyên ngành</b>		<b>15</b>	<b>13</b>	
	<i>Bắt buộc</i>		<b>11</b>	<b>9</b>	
65	Lý thuyết dịch Translation Theories	JAPA5215	1	1	
66	Biên dịch 1 Translation 1	JAPA5306	2	1	
67	Biên dịch 2 Translation 2	JAPA5307	2	1	
68	Phiên dịch 1 Interpretation 1	JAPA5308	2	1	
69	Phiên dịch 2 Interpretation 2	JAPA5309	2	1	

STT	Tên môn học (Tiếng Việt/Tiếng Anh)	Mã môn học	Khối lượng kiến thức		Ghi chú
			Lý thuyết	Thực hành	
70	Thực hành nghề nghiệp 1 Practice Training 1	JAPA5310	1	2	
71	Thực hành nghề nghiệp 2 Practice Training	JAPA5311	1	2	
	<i>Tự chọn</i>				
	Chọn <i>hai</i> môn trong danh mục các môn học sau:		2	2	
72	Biên dịch thương mại Business Translation	JAPA5216	1	1	
73	Biên dịch du lịch Tourism Translation	JAPA5217	1	1	
74	Dịch truyện tiếng Nhật Japanese Literature Translation	JAPA5218	1	1	
	Chọn <i>hai</i> môn trong danh mục các môn học sau:		2	2	
75	Phiên dịch thương mại Business Interpretation	JAPA5219	1	1	
76	Phiên dịch du lịch Tourism Interpretation	JAPA5220	1	1	
77	Giao tiếp trong kinh doanh Nhật Bản Japanese Business Communication	JAPA5221	1	1	
d)	<b>Kiến thức bổ trợ</b>		5	5	
	<i>Bắt buộc</i>		3	3	
78	Nghệ vụ văn phòng trong doanh nghiệp Nhật Bản Office Skills	JAPA5222	1	1	
79	Kính ngữ trong tiếng Nhật Japanese Honorific Expressions	JAPA5223	1	1	
80	Phương pháp nghiên cứu khoa học Research Methodology	JAPA6201	1	1	
	<i>Tự chọn:</i>		2	2	
	Chọn <i>hai</i> môn trong danh mục các môn học sau:				
81	Kỹ năng thuyết trình Public Speaking	JAPA5225	1	1	
82	Khẩu ngữ trong tiếng Nhật Spoken Japanese	JAPA5226	1	1	

STT	Tên môn học (Tiếng Việt/Tiếng Anh)	Mã môn học	Khối lượng kiến thức		Ghi chú
			Lý thuyết	Thực hành	
83	Tiếng Nhật dùng trong IT Japanese for Information Technology	JAPA5227	1	1	
84	Tiếng Nhật dùng trong kinh tế Japanese for Economics	JAPA5228	1	1	
85	Tiếng Nhật thương mại Japanese for Business	JAPA5229	1	1	
86	Soạn thảo thư tín thương mại Writing Japanese Business Letter	JAPA5230	1	1	
87	Khởi nghiệp Entrepreneurship	BADM6306	2	1	
88	Định hướng nghề nghiệp và kỹ năng học tập Career Orientation and Academic Skills Training	EDUC6301	3		
<b>3. Thực tập và khóa luận tốt nghiệp (hoặc môn thay thế)</b>			<b>4</b>	<b>6</b>	
89	Thực tập tốt nghiệp Internship	JAPA5402		4	
90	Khóa luận tốt nghiệp Graduation Paper	JAPA5601		6	
	Hoặc môn học thay thế Khóa luận tốt nghiệp				
91	Biên dịch nâng cao Advanced Translation	JAPA5231	1	1	
92	Phiên dịch nâng cao Advanced Interpretation	JAPA5232	1	1	
93	Tiếng Nhật dùng trong nhà hàng, khách sạn Japanese for Hotel & Restaurant	JAPA5233	1	1	
<b>Tổng cộng:</b>			<b>95.5</b>	<b>55.5</b>	

#### IX. Kế hoạch giảng dạy (dự kiến)

STT	Tên môn học	Mã môn học	Khối lượng kiến thức (LT, TH, Tự học)	Ghi chú
<b>HỌC KỲ 1</b>			<b>15</b>	
1.	Tiếng Anh nâng cao 1	GENG1339	3(2,1,5)	

STT	Tên môn học	Mã môn học	Khối lượng kiến thức (LT, TH, Tự học)	Ghi chú
2.	Tiếng Anh nâng cao 2	GENG1340	3(2,1,5)	
3.	Môn KHXH-NV tự chọn 1		2(2,0,4)	
4.	Môn Tin học tự chọn		3(2,1,5)	
5.	Triết học Mác – Lênin	POLI1304	3(3,0,6)	
<b>Chương trình bổ túc dành cho người học (không tính số TC)</b>				
6.	Thực hành Tiếng Nhật tổng hợp 1	JAPA0401	4(3,1,7)	
7.	Thực hành Tiếng Nhật tổng hợp 2	JAPA0402	4(3,1,7)	
<b>HỌC KỲ 2</b>			<b>14</b>	
1.	Tiếng Anh nâng cao 3	GENG1341	3(2,1,5)	
2.	Tiếng Anh nâng cao 4	GENG1342	3(2,1,5)	
3.	Môn Pháp luật tự chọn		3(3,0,6)	
4.	Môn KHXH-NV tự chọn 2		2(2,0,4)	
5.	Môn KHXH-NV tự chọn 3		3(3,0,6)	
6.	Giáo dục thể chất 1	PEDU0201	1,5 (0,1.5,1.5)	Không tính số TC
7.	Giáo dục Quốc phòng - an ninh	DEDU0301 DEDU0202 DEDU0103 DEDU0204		Không tính số TC
<b>Chương trình bổ túc dành cho người học (không tính số TC)</b>				
8.	Thực hành Tiếng Nhật tổng hợp 3	JAPA0403	4(3,1,7)	
9.	Thực hành Tiếng Nhật tổng hợp 4	JAPA0406	4(3,1,7)	
<b>HỌC KỲ 3</b>			<b>15</b>	
1.	Tiếng Anh nâng cao 5	GENG1343	3(2,1,5)	
2.	Tiếng Anh nâng cao 6	GENG1344	3(2,1,5)	
3.	Nghe - Nói 1	JAPA5312	3(2,1,5)	
4.	Ngữ pháp tiếng Nhật	JAPA5401	4(3,1,7)	
5.	Ngữ âm học tiếng Nhật	JAPA5209	2(1,1,3)	
6.	Giáo dục thể chất 2		1.5 (0,1.5,1.5)	Không tính số TC
<b>HỌC KỲ 4</b>			<b>18</b>	
1.	Tiếng Anh nâng cao 7	GENG1345	3(2,1,5)	
2.	Tiếng Anh nâng cao 8	GENG1346	3(2,1,5)	

STT	Tên môn học	Mã môn học	Khối lượng kiến thức (LT, TH, Tự học)	Ghi chú
3.	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	POLI1205	2(2,0,4)	
4.	Nghe – Nói 2	JAPA5313	3(2,1,5)	
5.	Kanji - Đọc hiểu trung cấp 1	JAPA5201	2(1,1,3)	
6.	Ngữ pháp tiếng Nhật nâng cao 1	JAPA5303	3(2,1,5)	
7.	Văn hóa - phong tục Nhật Bản	JAPA5211	2(1,1,3)	
<b>HỌC KỲ 5</b>			<b>18</b>	
1.	Tiếng Anh nâng cao 9	GENG1347	3(2,1,5)	
2.	Tiếng Anh nâng cao 10	GENG1348	3(2,1,5)	
3.	Chủ nghĩa Xã hội khoa học	POLI1206	2(2,0,4)	
4.	Nghe – Nói nâng cao 1	JAPA5301	3(2,1,5)	
5.	Ngữ pháp tiếng Nhật nâng cao 2	JAPA5304	3(2,1,5)	
6.	Kanji - Đọc hiểu trung cấp 2	JAPA5202	2(1,1,3)	
7.	Lý thuyết dịch	JAPA5215	2(1,1,3)	
<b>HỌC KỲ 6</b>			<b>13</b>	
1.	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	POLI1207	2(2,0,4)	
2.	Nghe – Nói nâng cao 2	JAPA5302	3(2,1,5)	
3.	Kanji - Đọc hiểu nâng cao 1	JAPA5203	2(1,1,3)	
4.	Kỹ năng Viết 1	JAPA5205	2(1,1,3)	
5.	Phương pháp nghiên cứu khoa học	JAPA6201	2(1,1,3)	
6.	Từ vựng học tiếng Nhật	JAPA5210	2(1,1,3)	
<b>HỌC KỲ 7</b>			<b>15</b>	
1.	Tư tưởng Hồ Chí Minh	POLI1208	2(1.5,0.5,3.5)	
2.	Kỹ năng Viết 2	JAPA5206	2(1,1,3)	
3.	Kanji - Đọc hiểu nâng cao 2	JAPA5204	2(1,1,3)	
4.	Biên dịch 1	JAPA5306	3(2,1,5)	
5.	Phiên dịch 1	JAPA5308	3(2,1,5)	
6.	Cơ sở ngôn ngữ học tiếng Nhật	JAPA5305	3(2,1,5)	
<b>HỌC KỲ 8</b>			<b>17</b>	
1.	Kỹ năng Viết 3	JAPA5207	2(1,1,3)	
2.	Kính ngữ trong tiếng Nhật	JAPA5223	2(1,1,3)	
3.	Biên dịch 2	JAPA5307	3(2,1,5)	
4.	Phiên dịch 2	JAPA5309	3(2,1,5)	



STT	Tên môn học	Mã môn học	Khối lượng kiến thức (LT, TH, Tự học)	Ghi chú
5.	Văn học Nhật Bản	JAPA5212	2(1,1,3)	Tự chọn
6.	Thực hành nghề nghiệp 1	JAPA5310	3(1,2,4)	
7.	Khẩu ngữ trong tiếng Nhật	JAPA5226	2(1,1,3)	Tự chọn
<b>HỌC KỲ 9</b>			<b>17</b>	
1.	Biên dịch thương mại	JAPA5216	2(1,1,3)	Tự chọn
2.	Phiên dịch thương mại	JAPA5219	2(1,1,3)	Tự chọn
3.	Biên dịch du lịch	JAPA5217	2(1,1,3)	Tự chọn
4.	Phiên dịch du lịch	JAPA5220	2(1,1,3)	Tự chọn
5.	Nghiệp vụ văn phòng trong doanh nghiệp Nhật Bản	JAPA5222	2(1,1,3)	
6.	Kỹ năng Viết 4	JAPA5208	2(1,1,3)	
7.	Tiếng Nhật dùng trong IT	JAPA5227	2(1,1,3)	Tự chọn
8.	Thực hành nghề nghiệp 2	JAPA5311	3(1,2,4)	
<b>HỌC KỲ 10</b>			<b>4</b>	
1.	Thực tập tốt nghiệp	JAPA5402	4(0,4,4)	
<b>HỌC KỲ 11</b>			<b>14</b>	
1	Khoá luận TN	JAPA5601	6(6,0,12)	
	Hoặc môn học thay thế Khóa luận tốt nghiệp			
2.	Biên dịch nâng cao	JAPA5231	2(1,1,3)	
3.	Phiên dịch nâng cao	JAPA5232	2(1,1,3)	
4.	Tiếng Nhật dùng trong nhà hàng, khách sạn	JAPA5233	2(1,1,3)	

**X. Ma trận các môn học và kỹ năng (Phụ lục 1)**

**XI. Hướng dẫn thực hiện chương trình (Phụ lục 2)**

**XII. Mô tả môn học**

Môn học: **Triết học Mác - Lênin**

Mã môn học: POLI1304

Số tín chỉ: 3

Điều kiện tiên quyết: Không

Mô tả tóm tắt: Triết học Mác-Lênin là một trong ba bộ phận cấu thành của Chủ nghĩa

Mác - Lênin - môn học bắt buộc trong chương trình đào tạo của khối đại học trong cả nước.

Triết học Mác - Lênin là những nguyên lý triết học cơ bản do C. Mác, Ph. Ăngghen

*MH*

và V. Lênin viết nên trên cơ sở kế thừa sáng tạo và phát triển tinh hoa triết học nhân loại, tổng kết thực tiễn và trí tuệ thời đại; là thể giới quan duy vật khoa học và phương pháp luận biện chứng, cách mạng; là những quy luật chung nhất của sự vận động và phát triển của thế giới nói chung và sự vận động và phát triển của xã hội nói riêng.

Ý nghĩa - phương pháp luận sâu sắc được rút ra từ việc nghiên cứu Triết học Mác - Lênin có giá trị định hướng đúng đắn cho mọi hoạt động nhận thức và thực tiễn của con người.

Môn học: **Kinh tế chính trị Mác - Lênin**

Mã môn học: POLI1205

Số tín chỉ: 2

Điều kiện tiên quyết: Không

Mô tả tóm tắt: Nội dung chương trình gồm 6 chương: Trong đó, chương 1 bàn về đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của kinh tế chính trị Mác - Lênin. Từ chương 2 đến chương 6 trình bày nội dung cốt lõi của kinh tế chính trị Mác - Lênin theo mục tiêu của môn học. Cụ thể các vấn đề như: Hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể trong nền kinh tế thị trường; Sản xuất giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam; Công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.

Môn học: **Chủ nghĩa xã hội khoa học**

Mã môn học: POLI1206


Số tín chỉ: 02

Điều kiện tiên quyết: Triết học Mác - Lênin, Kinh tế chính trị Mác - Lênin

Mô tả tóm tắt: Môn học chủ nghĩa xã hội khoa học là một trong ba bộ phận hợp thành của chủ nghĩa Mác - Lênin, là kết quả của sự vận dụng thể giới quan, phương pháp luận triết học Mác - Lênin và những học thuyết của kinh tế chính trị Mác - Lênin vào việc nghiên cứu quy luật tất yếu của sự ra đời hình thái kinh tế xã hội cộng sản chủ nghĩa; những vấn đề chính trị - xã hội có tính quy luật trong tiến trình cách mạng xã hội chủ nghĩa trên thế giới và trong đời sống hiện thực ở Việt Nam hiện nay.

Môn học: **Tư tưởng Hồ Chí Minh**

Mã môn học: POLI1208

Số tín chỉ: 2 

Điều kiện tiên quyết: Chủ nghĩa xã hội khoa học

Môn học tư tưởng Hồ Chí Minh trang bị cho người học những kiến thức về nội dung quan điểm của Hồ Chí Minh về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam; Về Đảng Cộng sản và nhà nước Việt Nam; Về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; Về văn hóa, đạo đức, con người, trong đó nội dung cốt lõi là độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội.

Qua môn học này người học được nâng cao bản lĩnh chính trị, yêu cầu, trung thành với mục tiêu, lý tưởng độc lập dân tộc gắn liền chủ nghĩa xã hội; thấy được trách nhiệm của bản thân trong việc học tập, rèn luyện để góp phần và xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

**Môn học: Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam**

Mã môn học: POLI1207

Số tín chỉ: 2

Điều kiện tiên quyết: Chủ nghĩa xã hội khoa học

Môn học trang bị cho người học sự hiểu biết về đối tượng, mục đích, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu, học tập môn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam và những kiến thức cơ bản, cốt lõi, hệ thống về sự ra đời của Đảng (1920 - 1930), quá trình Đảng lãnh đạo cuộc đấu tranh giành chính quyền (1930 - 1945), lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945 - 1975), lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975 - 2018). Qua đó khẳng định các thành công, nêu lên các hạn chế, tổng kết những kinh nghiệm về sự lãnh đạo cách mạng của Đảng để giúp người học nâng cao nhận thức, niềm tin đối với Đảng và khả năng vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn công tác, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

**Môn học: An sinh xã hội**

Mã môn học: SWOR6301

Số tín chỉ: 3

Điều kiện tiên quyết: Không

Mô tả tóm tắt: Môn học cung cấp cho người học các kiến thức cơ sở để có thể học tốt các môn chuyên ngành như CTXH cá nhân, CTXH nhóm, Phát triển cộng đồng,... Môn học đề cập về hệ thống an sinh xã hội trên thế giới và tại Việt Nam đồng thời cung cấp cách nhìn khái quát hơn, toàn diện hơn, đầy đủ hơn và khoa học hơn để giải thích, diễn giải bối cảnh hình thành một số vấn đề xã hội mà xã hội Việt Nam đang đối mặt như các vấn đề của

người cao tuổi, người khuyết tật, mai dâm, ma túy, nghèo đói, di dân lao động,...

**Môn học: Xã hội học đại cương**

Mã môn học: SOCI6301

Số tín chỉ: 3

Điều kiện tiên quyết: Không

Mô tả tóm tắt: Môn học này cung cấp một số khái niệm cơ bản của xã hội học. Đây là môn học nền tảng để người học có thể học các môn tiếp theo như Lịch sử XHH và các lý thuyết xã hội học hiện đại, Phương pháp nghiên cứu trong khoa học xã hội...

Cung cấp những khái niệm căn bản của xã hội học, giới thiệu một số chủ đề, lý thuyết, phương pháp cơ bản của xã hội học. Đồng thời người học thực tập phân tích một số vấn đề xã hội bằng cách vận dụng các lý thuyết, khái niệm đã học.

Sau khi học xong môn này, người học có hiểu biết ban đầu về các lối tiếp cận lý thuyết xã hội học và đặc điểm của lối nhìn xã hội học; về phương pháp xã hội học; hiểu biết về các yếu tố cấu thành xã hội và văn hóa; hiểu được các yếu tố cấu thành nhân cách; hiểu các loại hình tổ chức xã hội và định chế xã hội; hiểu sự phân tầng xã hội; hiểu biết về hiện tượng lệch lạc xã hội; biết được các loại hình hành vi tập thể và các phong trào xã hội và cuối cùng hiểu biết về biến chuyển xã hội và quá trình hiện đại hóa.

**Môn học: Tâm lý học đại cương**

Mã môn học: SOCI6302

Số tín chỉ: 3

Điều kiện tiên quyết: Không

Mô tả tóm tắt: Môn Tâm lý học đại cương là môn học nền tảng cung cấp các kiến thức cơ bản về tâm lý cho người học. Môn này sẽ giúp người học hiểu được đối tượng, phương pháp nghiên cứu của tâm lý học đại cương; bản chất của các hiện tượng tâm lý; các khái niệm và thuật ngữ cơ bản trong tâm lý học cũng như phần nào lý giải được cơ sở thần kinh của các hiện tượng tâm lý. Đây là môn học tiền đề trước khi người học tiếp cận với khối kiến thức chuyên ngành.

**Môn học: Giao tiếp trong kinh doanh**

Mã số môn học: BADM6301

Số tín chỉ: 3

Điều kiện tiên quyết: Không

Mô tả tóm tắt: Biết cách sử dụng các phương tiện giao tiếp bằng lời, giao tiếp không

lời qua ánh mắt cử chỉ, và qua các văn bản trên giấy cũng như trên Internet là rất cần thiết với nhà quản trị. Trong thực tế, sự thành công của nhà quản trị tùy thuộc rất nhiều vào khả năng truyền đạt tư tưởng bằng lời nói cũng như bằng văn bản sao cho có bài bản, súc tích, hợp lý để có thể thuyết phục được cấp trên, cấp dưới, đồng nghiệp, hoặc các đối tác kinh doanh hiểu và chấp nhận những đề xuất hoặc những đề nghị của mình. Môn học Giao tiếp trong kinh doanh giúp cho người học biết và thực hành các kỹ năng giao tiếp để có thể tự tin và thành công trong giao tiếp và đàm phán với mọi người, đặc biệt là với đối tác kinh doanh.

**Môn học: Đại cương văn hóa Việt Nam**

Mã môn học: VIET6301

Số tín chỉ: 3

Điều kiện tiên quyết: Không

Mô tả tóm tắt: Môn học này cung cấp cho người học những kiến thức nền tảng về văn hoá Việt Nam. Giúp người học hiểu rõ hơn văn hoá của dân tộc mình để từ đó nhận thức đúng những giá trị văn hóa truyền thống của Việt Nam. Nhìn lại bản sắc và tính cách văn hóa của dân tộc để bảo tồn, xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

**Môn học: Lịch sử văn minh thế giới**

Mã môn học: SEAS6303

Số tín chỉ: 3

Điều kiện tiên quyết: Không

Mô tả tóm tắt: Môn học này cung cấp những kiến thức cơ bản về những cơ sở hình thành và những thành tựu cơ bản của các nền văn minh lớn trên thế giới. Qua đây người học sẽ nắm bắt được những quy luật cơ bản phát triển văn minh nhân loại.

Môn học cũng giới thiệu một số nền văn hoá văn minh tiêu biểu ở phương Đông như: Ai Cập - Lưỡng Hà, Ấn Độ, Trung Quốc và phương Tây như Hy Lạp và La Mã, Tây Âu...

**Môn học: Thực hành văn bản Tiếng Việt**

Mã môn học: VIET6202

Số tín chỉ: 2

Điều kiện tiên quyết: Không

Mô tả tóm tắt: Môn học này cung cấp cho người học những kiến thức về tiếp nhận và soạn thảo văn bản tiếng Việt, nhận diện và xây dựng đoạn văn tiếng Việt, nhận diện và

viết các loại câu tiếng Việt, chữa các lỗi về câu. Các quy tắc dùng từ, hiểu các lỗi thông thường trong dùng từ và cách sửa chữa. Các quy tắc chính tả tiếng Việt. Các lỗi thông thường về chính tả.

**Môn học: Tiếng Việt thực hành**

Mã môn học: VIET6201

Số tín chỉ:2

Điều kiện tiên quyết: Không

Mô tả tóm tắt: Môn học bao gồm các kiến thức cơ bản về ngôn ngữ nói chung và tiếng Việt nói riêng; các kiến thức về sử dụng tiếng Việt, về chức năng, cấu trúc, cách nhận diện và cách sửa lỗi sai trong tiếng Việt ở các phương diện: văn bản, ngữ pháp, từ vựng, ngữ âm; các kiến thức liên quan đến kỹ năng nâng cao hiệu quả giao tiếp và sử dụng tiếng Việt trong thực tiễn; các kiến thức sử dụng tiếng Việt liên quan đến công việc, tự học, nghiên cứu, biên soạn tư liệu, viết bài, luận văn khoa học của người học trong trường đại học, ...

**Môn học: Cơ sở ngôn ngữ học**

Mã môn học: VIET6302

Số tín chỉ:3

Điều kiện tiên quyết: Không

Mô tả tóm tắt: Đây là môn học tự chọn trong khối kiến thức Khoa học xã hội và nhân văn. Nắm vững kiến thức môn học này sẽ giúp người học tiếp thu và vận dụng tốt các phân môn của ngôn ngữ như: Ngữ âm học, Từ vựng học, Ngữ pháp học, ...

**Môn học: Ngôn ngữ học so sánh đối chiếu**

Mã môn học: VIET6303

Số tín chỉ:3

Điều kiện tiên quyết: Không

Mô tả tóm tắt: Đây là môn học tự chọn trong khối kiến thức Khoa học xã hội và nhân văn. Môn này giúp người học nắm được các kiến thức về khái niệm đối chiếu, các kỹ năng trong đối chiếu ngôn ngữ học, các phương pháp đối chiếu, các thủ pháp đối chiếu, nội dung đối chiếu, thứ tự trong đối chiếu và các kỹ năng các yếu tố cùng cấp độ giữa các ngôn ngữ khác nhau nhằm chỉ ra chỗ giống hoặc/ và khác nhau giữa các ngôn ngữ.

**Môn học: Pháp luật đại cương**

Mã môn học: GLAW6301

Số tín chỉ:3

Môn học trước: Không

Mô tả tóm tắt: Môn học Pháp luật đại cương là môn học trong khối kiến thức giáo dục đại cương. Môn học trình bày những khái niệm cơ bản về Nhà nước và pháp luật, bao gồm: Nguồn gốc, bản chất, đặc điểm, chức năng của Nhà nước, kiểu nhà nước, hình thức nhà nước và phân tích cấu trúc của bộ máy Nhà nước, chức năng và thẩm quyền của các cơ quan nhà nước trong bộ máy Nhà nước Việt Nam; Nguồn gốc, bản chất, đặc điểm của pháp luật, kiểu pháp luật, quy phạm pháp luật, quan hệ pháp luật, ý thức và thực hiện pháp luật, vi phạm pháp luật, trách nhiệm pháp lý, và Hình thức pháp luật; Giới thiệu khái quát về hệ thống pháp luật và các ngành luật trong hệ thống Pháp luật của Nhà nước Việt Nam, trình bày những nội dung cơ bản của Luật Hành chính, Luật Hình sự, Luật Tố tụng hình sự, Luật dân sự và Luật Tố tụng dân sự, Luật lao động, Luật Hôn nhân và gia đình, pháp luật Phòng chống tham nhũng.

Môn học: **Lý luận nhà nước và pháp luật**

Mã môn học: BLAW6301

Số tín chỉ:3

Môn học trước: Không

Mô tả tóm tắt: Môn học Lý luận nhà nước và pháp luật là môn học trong khối kiến thức giáo dục đại cương. Môn học này trang bị cho người học những lý thuyết về nguồn gốc, bản chất và kiểu nhà nước; chức năng, hình thức và bộ máy nhà nước; nguồn gốc, bản chất và kiểu pháp luật; chức năng và hình thức của pháp luật; quy phạm pháp luật; quan hệ pháp luật; ý thức pháp luật; thực hiện và áp dụng pháp luật; vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý.

Môn học: **Nhập môn tin học**

Mã môn học: ITEC6301

Số tín chỉ:3

Điều kiện tiên quyết: Không

Mô tả tóm tắt: Nhập môn Tin học là môn học đầu tiên của chương trình đào tạo Đại học khối ngành Công nghệ thông tin (CNTT).

Môn học trang bị cho người học cái nhìn tổng quát về ngành học, khái quát về lịch sử phát triển và hình thành của khối ngành CNTT, các kiến thức cơ bản về tin học cơ sở như: cấu trúc và hoạt động của máy vi tính, biểu diễn dữ liệu trong máy tính, các hệ đếm thông dụng, khái niệm hệ điều hành, mạng máy tính cơ bản.

Môn học cung cấp kiến thức làm nền tảng cho người học sử dụng tốt phần mềm tin học văn phòng (soạn thảo văn bản, xử lý bảng tính, soạn thảo trình diễn). Bên cạnh đó môn học cũng giới thiệu khái quát các nghề nghiệp có liên quan khối ngành CNTT tới người học.

Môn học: **Tin học đại cương**

Mã môn học: COMP6301

Số tín chỉ:3

Điều kiện tiên quyết: Không

Mô tả tóm tắt: Môn Tin học đại cương thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trong chương trình đào tạo của các ngành, trừ các ngành Khoa học máy tính, Công nghệ thông tin, Hệ thống thông tin quản lý.

Môn Tin học đại cương cung cấp cho người học không chuyên các ngành Công nghệ thông tin những kiến thức cơ bản về Công nghệ thông tin đồng thời trang bị các kỹ năng cơ bản trong sử dụng máy vi tính, sử dụng các phần mềm ứng dụng thông dụng trong văn phòng, có năng lực làm việc độc lập, có đạo đức và trách nhiệm trong sử dụng Công nghệ thông tin.

Người học học và đạt môn Tin học đại cương sẽ đạt Chuẩn kỹ năng sử dụng Công nghệ thông tin cơ bản theo Thông tư số 03/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng Công nghệ thông tin áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia trực tiếp hoặc có liên quan đến hoạt động đánh giá kỹ năng sử dụng Công nghệ thông tin.

Môn học: **Tin học ứng dụng**

Mã môn học: COMP6302

Số tín chỉ:3

Điều kiện tiên quyết: Không

Mô tả tóm tắt: Môn học Tin học Ứng dụng trang bị cho người học các kiến thức cơ bản về cơ sở dữ liệu, hiểu được ý nghĩa và vai trị của cơ sở dữ liệu, kiến thức về cơ sở dữ liệu quan hệ, sử dụng được hệ quản trị cơ sở dữ liệu quan hệ Microsoft Access mức độ căn bản để tạo cơ sở dữ liệu, truy vấn dữ liệu, tạo giao diện người dùng và tạo báo cáo.

Người học học và đạt môn học Tin học ứng dụng sẽ đạt yêu cầu của Mô đun kỹ năng 10 (Mã IU10: Sử dụng hệ quản trị cơ sở dữ liệu) theo thông tư số 03/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia trực tiếp hoặc có liên quan đến hoạt động đánh giá kỹ năng sử dụng CNTT.



**Môn học: Tiếng Anh nâng cao 1**

Mã môn học: GENG1339

Số tín chỉ:3

Điều kiện tiên quyết: Không

Mô tả tóm tắt: Môn học Tiếng Anh nâng cao 1 nhằm bổ sung kiến thức và kỹ năng ngôn ngữ để giúp sinh viên có thể thực hiện các giao tiếp đơn giản ở các tình huống quen thuộc ở mức độ thấp của cấp độ A2 theo khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam.

**Môn học: Tiếng Anh nâng cao 2**

Mã môn học: GENG1340

Số tín chỉ:3

Điều kiện tiên quyết: Không

Mô tả tóm tắt: Môn học Tiếng Anh nâng cao 2 nhằm bổ sung kiến thức và kỹ năng ngôn ngữ để giúp sinh viên có thể thực hiện các giao tiếp đơn giản ở các tình huống quen thuộc ở mức độ tương đối thuần thục của cấp độ A2 theo khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam.

**Môn học: Tiếng Anh nâng cao 3**

Mã môn học: GENG1341

Số tín chỉ:3

Điều kiện tiên quyết: Không

Mô tả tóm tắt: Môn học Tiếng Anh nâng cao 3 nhằm bổ sung kiến thức và kỹ năng ngôn ngữ để giúp sinh viên có thể thực hiện các giao tiếp đơn giản ở các tình huống quen thuộc ở mức độ thuần thục của cấp độ A2 theo khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam.

**Môn học: Tiếng Anh nâng cao 4**

Mã môn học: GENG1342


Số tín chỉ:3

Điều kiện tiên quyết: Không

Mô tả tóm tắt: Môn học Tiếng Anh nâng cao 4 nhằm bổ sung kiến thức và kỹ năng ngôn ngữ để giúp sinh viên có thể thực hiện các giao tiếp với các đề tài phổ biến ở mức độ thấp của cấp độ B1 theo khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam.

**Môn học: Tiếng Anh nâng cao 5**

Mã số môn học: GENG1343

Số tín chỉ:3 

Điều kiện tiên quyết: Không

Mô tả tóm tắt: Môn học Tiếng Anh nâng cao 5 nhằm bổ sung kiến thức và kỹ năng ngôn ngữ để giúp sinh viên có thể thực hiện các giao tiếp với các đề tài phổ biến ở mức độ tương đối thuần thực của cấp độ B1 theo khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam.

Môn học: **Tiếng Anh nâng cao 6**

Mã số môn học: GENG1344

Số tín chỉ:3

Điều kiện tiên quyết: Không

Mô tả tóm tắt: Môn học Tiếng Anh nâng cao 6 nhằm bổ sung kiến thức và kỹ năng ngôn ngữ để giúp sinh viên có thể thực hiện các giao tiếp về các đề tài phổ biến ở mức độ thuần thực của cấp độ B1 theo khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam. Nội dung môn học nhằm trang bị kiến thức nâng cao về ngôn ngữ (ngữ pháp và từ vựng) và phát triển 4 kỹ năng (nghe, nói, đọc và viết) để người học có thể tự giới thiệu về mình và giao tiếp với bạn bè, thuyết trình các đề tài về nghệ thuật, báo chí, khoa học, xã hội, kỹ thuật, và kinh tế bằng tiếng Anh trong các tình huống. Môn học được tăng cường tiết học qua mạng (online) nhằm nâng cao tính tự học của người học.

Môn học: **Tiếng Anh nâng cao 7**

Mã số môn học: GENG1345

Số tín chỉ:3

Điều kiện tiên quyết: Không

Mô tả tóm tắt: Môn học Tiếng Anh nâng cao 7 nhằm bổ sung kiến thức và kỹ năng ngôn ngữ để giúp sinh viên có thể thực hiện các giao tiếp về các đề tài phổ biến ở mức độ thấp của cấp độ B2 theo khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam. Nội dung môn học nhằm trang bị kiến thức cơ bản về ngôn ngữ (ngữ pháp và từ vựng), phát triển 4 kỹ năng (nghe, nói, đọc và viết), sử dụng tiếng Anh trong các tình huống đời sống thực tế và phát triển tư duy phản biện (critical thinking). Môn học bao gồm thời lượng lên lớp và tự học qua mạng (online).

Môn học: **Tiếng Anh nâng cao 8**

Mã số môn học: GENG1346

Số tín chỉ:3

Điều kiện tiên quyết: Không

Mô tả tóm tắt: Môn học Tiếng Anh nâng cao 8 nhằm bổ sung kiến thức và kỹ năng

ngôn ngữ để giúp sinh viên có thể thực hiện các giao tiếp về các đề tài phổ biến và chuyên biệt ở mức độ trung bình của cấp độ B2 theo khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam. Nội dung môn học nhằm trang bị kiến thức cơ bản về ngôn ngữ (ngữ pháp và từ vựng), phát triển 4 kỹ năng (nghe, nói, đọc và viết), sử dụng tiếng Anh trong các tình huống đời sống thực tế và phát triển tư duy phản biện (critical thinking). Môn học bao gồm thời lượng lên lớp và tự học qua mạng (online).

**Môn học: Tiếng Anh nâng cao 9**

Mã số môn học: GENG1347

Số tín chỉ:3

Điều kiện tiên quyết: Không

Mô tả tóm tắt: Môn học Tiếng Anh nâng cao 9 nhằm bổ sung kiến thức và kỹ năng ngôn ngữ để giúp sinh viên có thể thực hiện các giao tiếp về các đề tài phổ biến và chuyên biệt ở mức độ tương đối thuần thực của cấp độ B2 theo khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam. Nội dung môn học nhằm trang bị kiến thức cơ bản về ngôn ngữ (ngữ pháp và từ vựng), phát triển 4 kỹ năng (nghe, nói, đọc và viết), sử dụng tiếng Anh trong các tình huống đời sống thực tế và phát triển tư duy phản biện (critical thinking). Môn học bao gồm thời lượng lên lớp và tự học qua mạng (online).

**Môn học: Tiếng Anh nâng cao 10**

Mã số môn học: GENG1348

Số tín chỉ:3

Điều kiện tiên quyết: Không

Mô tả tóm tắt: Môn học Tiếng Anh nâng cao 10 nhằm bổ sung kiến thức và kỹ năng ngôn ngữ để giúp sinh viên có thể thực hiện các giao tiếp về các đề tài phổ biến và chuyên biệt ở mức độ thuần thực của cấp độ B2 theo khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam. Nội dung môn học nhằm trang bị kiến thức cơ bản về ngôn ngữ (ngữ pháp và từ vựng), phát triển 4 kỹ năng (nghe, nói, đọc và viết), sử dụng tiếng Anh trong các tình huống đời sống thực tế và phát triển tư duy phản biện (critical thinking). Môn học bao gồm thời lượng lên lớp và tự học qua mạng (online).

**Môn học: Giáo dục thể chất 1**

Mã môn học: PEDU0201

Số tín chỉ:1.5

Điều kiện tiên quyết: Không

Mô tả tóm tắt: Môn học Giáo dục thể chất 1 thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trong chương trình đào tạo của tất cả các khoa. Môn học trang bị cho người học một số kiến thức, kỹ năng và thái độ cần thiết giúp người học biết sử dụng bài tập thể dục làm phương tiện để rèn luyện nâng cao sức khỏe, khả năng phối hợp vận động và phát huy cái đẹp của cơ thể.

**Môn học: Giáo dục thể chất 2 - Bóng chuyền**

Mã môn học: PEDU0202

Số tín chỉ: 1.5

Điều kiện tiên quyết: Không

Mô tả tóm tắt: Môn học giáo dục thể chất 2 - Bóng chuyền thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trong chương trình đào tạo của tất cả các khoa. Môn học cung cấp những kiến thức và kỹ năng cơ bản của môn bóng chuyền như: Lịch sử hình thành và phát triển môn bóng chuyền, ý nghĩa tác dụng của việc tập luyện, kỹ - chiến thuật và các bài tập phát triển thể lực, cách phòng ngừa các chấn thương thường gặp trong tập luyện và thi đấu bóng chuyền.

**Môn học: Giáo dục thể chất 2 - Bóng đá**

Mã môn học: PEDU0203

Số tín chỉ: 1.5

Điều kiện tiên quyết: Không

Mô tả tóm tắt: Môn Giáo dục thể chất 2 - Bóng đá thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trong chương trình đào tạo của tất cả các khoa. Môn học nhằm trang bị và cung cấp kiến thức và kỹ năng cơ bản của môn bóng đá: Lịch sử hình thành và phát triển, ý nghĩa tác dụng của việc tập luyện, kỹ thuật chiến thuật, phương pháp tổ chức thi đấu, các bài tập phát triển thể lực, bài tập chiến thuật trong thi đấu bóng đá.

**Môn học: Giáo dục thể chất 2 - Cầu lông**

Mã môn học: PEDU0204

Số tín chỉ: 1.5

Điều kiện tiên quyết: Không

Mô tả tóm tắt: Môn Giáo dục thể chất 2 - Cầu lông thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trong chương trình đào tạo của tất cả các khoa. Môn học nhằm trang bị và cung cấp kiến thức cơ bản của môn cầu lông. Giới thiệu lịch sử hình thành và phát triển, ý nghĩa tác dụng của việc tập luyện, kỹ thuật chiến thuật, phương pháp tổ chức thi đấu, các bài tập

phát triển thể lực, bài tập chiến thuật trong thi đấu cầu lông.

**Môn học: Giáo dục thể chất 2 - Võ thuật**

Mã môn học: PEDU0205

Số tín chỉ: 1.5

Điều kiện tiên quyết: Không

Mô tả tóm tắt: Môn học giáo dục thể chất 02 - Võ thuật thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trong chương trình đào tạo của tất cả các khoa. Môn học cung cấp những kiến thức cơ bản về võ thuật, giúp người học nâng cao sức khỏe đồng thời trang bị cho những kỹ năng, kỹ thuật Võ tự vệ gắn liền với cuộc sống hàng ngày.

**Môn học: Giáo dục thể chất 2 - Bóng bàn**

Mã môn học: PEDU0206

Số tín chỉ: 1.5

Điều kiện tiên quyết: Không

Mô tả tóm tắt: Môn học giáo dục thể chất 2 - Bóng bàn thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trong chương trình đào tạo của tất cả các khoa. Môn học cung cấp những kiến thức và kỹ năng cơ bản của môn bóng bàn như: Lịch sử hình thành và phát triển môn bóng bàn, ý nghĩa tác dụng của việc tập luyện, kỹ - chiến thuật và các bài tập phát triển thể lực, cách phòng ngừa các chấn thương thường gặp trong tập luyện và thi đấu bóng bàn.

**Môn học: Giáo dục thể chất 2 - Bơi lội**

Mã môn học: PEDU0207


Số tín chỉ: 1.5

Điều kiện tiên quyết: Không

Mô tả tóm tắt: Môn học Giáo dục thể chất 2 - Bơi lội thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trong chương trình đào tạo của tất cả các khoa. Môn học trang bị cho người học một số kiến thức và kỹ năng và thái độ cần thiết, giúp người học hiểu biết về ý nghĩa tác dụng của việc tập luyện Bơi lội, các bài tập kỹ thuật bơi ếch và cách sử dụng có hiệu quả các bài tập đó trong cuộc sống nhằm nâng cao sức khỏe và đề phòng tai nạn trong môi trường nước.

**Môn học: Giáo dục thể chất 2 - Bóng rổ**

Mã môn học: PEDU0208

Số tín chỉ: 1.5 

Điều kiện tiên quyết: Không

Mô tả tóm tắt: Môn Giáo dục thể chất 2 - Bóng rổ thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trong chương trình đào tạo của tất cả các khoa. Môn học nhằm trang bị và cung cấp kiến thức cơ bản của môn bóng rổ. Giới thiệu lịch sử hình thành và phát triển, ý nghĩa tác dụng của việc tập luyện, kỹ thuật chiến thuật, phương pháp tổ chức thi đấu, các bài tập phát triển thể lực, bài tập chiến thuật trong thi đấu bóng rổ.

**Môn học: Giáo dục quốc phòng và an ninh: Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam**

Mã môn học: DEDU0301

Số tín chỉ: 3

Điều kiện tiên quyết:

Mô tả tóm tắt: Môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh - Học phần Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam là một trong 04 môn học thuộc Chương trình Giáo dục quốc phòng và an ninh. Hoàn thành nội dung môn học này sẽ là một trong những điều kiện để cấp Chứng chỉ Giáo dục quốc phòng và an ninh.

Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản, những kỹ năng và năng lực tự chủ và trách nhiệm về đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam trong tình hình hiện nay.

**Môn học: Giáo dục quốc phòng và an ninh: Công tác quốc phòng và an ninh**

Mã môn học: DEDU0202

Số tín chỉ: 2

Điều kiện tiên quyết:

Mô tả tóm tắt: Môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh: Công tác quốc phòng và an ninh là một trong 04 môn học thuộc Chương trình Giáo dục quốc phòng và an ninh. Hoàn thành nội dung môn học này sẽ là một trong những điều kiện để cấp chứng chỉ Giáo dục quốc phòng và an ninh.

Môn học này cung cấp cho sinh viên những kiến thức chính sách pháp luật nhà nước về công tác quốc phòng và an ninh trong tình hình mới.

**Môn học: Giáo dục quốc phòng và an ninh: Quân sự chung**

Mã môn học: DEDU0103

Số tín chỉ: 1

Điều kiện tiên quyết: *mn*

Mô tả tóm tắt: Môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh: Quân sự chung là một trong 04 môn học thuộc chương trình Giáo dục quốc phòng và an ninh. Hoàn thành nội dung môn học này sẽ là một trong những điều kiện để cấp chứng chỉ Giáo dục quốc phòng và an ninh.

Môn học này trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quân sự chung trong quân đội nhân dân Việt Nam.

**Môn học: Giáo dục quốc phòng và an ninh: Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật**

Mã môn học: DEDU0204

Số tín chỉ: 2

Điều kiện tiên quyết:

Mô tả tóm tắt: Môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh: Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật là một trong 04 môn học thuộc chương trình Giáo dục quốc phòng và an ninh. Hoàn thành nội dung môn học này sẽ là một trong những điều kiện để cấp chứng chỉ Giáo dục quốc phòng và an ninh.

Môn học này trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật từng người trong chiến đấu tiến công, phòng ngự và làm nhiệm vụ canh gác.

**Môn học: Ngữ pháp tiếng Nhật**

Mã môn học: JAPA5401

Số tín chỉ: 4

Điều kiện tiên quyết: Không

Mô tả tóm tắt: Môn học hệ thống lại những điểm văn phạm cho người học. Đồng thời, tiếp tục trang bị cho người học những điểm văn phạm tiếng Nhật, những cách diễn đạt trong ngôn ngữ Nhật ở cấp độ cao hơn làm tiền đề cho các môn học kế tiếp trong chương trình. Môn học cũng trang bị thêm cho người học những kiến thức về văn hóa, xã hội, con người Nhật Bản qua các bài đọc ngắn.

**Môn học: Nghe - Nói 1**

Mã môn học: JAPA5312

Số tín chỉ: 3

Điều kiện tiên quyết: Không

Mô tả tóm tắt: Môn học Nghe - Nói 1 là môn học kỹ năng thuộc khối kiến thức cơ bản

sở trong chương trình đào tạo chính qui ngành ngôn ngữ Nhật chất lượng cao. Môn học giúp người học vận dụng lại các điểm văn phạm đã học vào các tình huống đa dạng nhưng gần gũi với sinh hoạt hàng ngày thông qua thực hành nghe và nói trên lớp. Kết thúc môn học, người học đạt khả năng nghe-nói ở cấp độ sơ trung cấp. Từ đó làm cơ sở phát triển đồng bộ kỹ năng nghe-nói để người học có thể học các môn tiếp theo.

Môn học: **Nghe - Nói 2**

Mã môn học: JAPA5313

Số tín chỉ: 3

Điều kiện tiên quyết: Không

Mô tả tóm tắt: Nội dung môn học Nghe- Nói 2 gồm nghe và nói ở mức độ cao hơn Nghe-Nói 1. Sau mỗi bài hội thoại là bài nghe có nội dung tương tự với đề tài đã luyện nói nhằm giúp người học hệ thống được các cách nói đồng thời tự điều chỉnh lại phát âm chưa tốt của bản thân. Bên cạnh đó, nội dung các bài khoá cũng hướng đến luyện cho người học các kỹ năng nghe - trả lời câu hỏi; nghe - chọn đúng, sai; nghe - chọn hình tương ứng. Kết thúc môn học, người học đạt khả năng nghe-nói ở cấp độ trung cấp.

Môn học: **Nghe - Nói nâng cao 1**

Mã môn học: JAPA5301

Số tín chỉ: 3

Điều kiện tiên quyết: Không

Mô tả tóm tắt: Môn học gồm hai nội dung nghe và nói ở cấp độ trung cấp. Tuy nhiên, các chủ đề nghe có tốc độ nói nhanh hơn và nội dung các đề tài nói yêu cầu người học phải biết kết hợp, sử dụng từ vựng, văn phạm theo đúng tình huống để trình bày ý tưởng của cá nhân được rõ ràng, chính xác. Bên cạnh đó, người học cũng luyện tập thêm các dạng bài nghe năng lực tiếng Nhật (JLPT N3). Kết thúc môn học, người học có khả năng vận dụng kiến thức đã học vào các tình huống thực tế, tự tin giao tiếp, làm cơ sở để học môn học kế tiếp.

Môn học: **Nghe - Nói nâng cao 2**

Mã môn học: JAPA5302

Số tín chỉ: 3

Điều kiện tiên quyết: Không

Mô tả tóm tắt: Tiếp nối môn học Nghe - Nói nâng cao 1, môn học gồm các đề tài đa dạng nhưng hữu ích trong giao tiếp thường nhật chẳng hạn như: từ chối lời đề nghị hoặc



mời ai cùng tham dự tiệc, an ủi động viên bạn bè, phỏng vấn xin việc qua điện thoại, đề lại lời nhắn và nhờ nhắn lại... Mục đích chính của môn học là tạo tình huống, tạo vấn đề phát sinh để người học thực hiện đóng vai nhân vật, suy nghĩ cách giải quyết vấn đề, xử lý tình huống và vận dụng năng lực ngôn ngữ của bản thân để hội thoại. Bên cạnh đó, người học cũng luyện tập thêm các dạng bài nghe năng lực tiếng Nhật (JLPT N3, N2). Kết thúc môn học, người học có khả năng nghe-nói lưu loát, tự tin giao tiếp, đủ điều kiện để học các môn học trong khối kiến thức chuyên ngành.

**Môn học: Kanji - Đọc hiểu trung cấp 1**

Mã môn học: JAPA5201

Số tín chỉ: 2

Điều kiện tiên quyết: Không

Mô tả tóm tắt: Môn học nhằm giúp cho người học có được kỹ năng đọc nhanh, tìm ý chính... thông qua các bài đọc ngắn và các bài đọc dài. Đồng thời, cung cấp cho người học những kiến thức những quy tắc, cách tra, cách đọc âm Hán - Nhật, âm thuần Nhật của hệ thống Kanji ở trình độ tiền trung cấp. Kết thúc môn học, người học có kỹ năng đọc và làm bài đọc hiểu, nhớ được các chữ Kanji đã học trong môn học.

**Môn học: Kanji - Đọc hiểu trung cấp 2**

Mã môn học: JAPA5202

Số tín chỉ: 2

Điều kiện tiên quyết: Không

Mô tả tóm tắt: Người học tiếp tục làm quen với các bài đọc dài và học thêm các chữ Kanji ở trình độ trung cấp. Bên cạnh đó, người học sẽ luyện tập thêm các bài đọc bên ngoài ở cấp độ năng lực N3. Kết thúc môn học, người học nhớ thêm được khoảng 250 chữ Kanji ở trình độ trung cấp, tăng thêm vốn từ vựng qua các bài đọc và có khả năng tìm kiếm thông tin trong bài để trả lời câu hỏi.

**Môn học: Kanji - Đọc hiểu nâng cao 1**

Mã môn học: JAPA5203

Số tín chỉ: 2

Điều kiện tiên quyết: Không

Mô tả tóm tắt: Môn học Kanji - Đọc hiểu nâng cao 1 giúp người học làm quen với các dạng bài theo cấu trúc thi năng lực ngôn ngữ cấp độ 3, cấp độ 2. Môn học vẫn tiếp tục cung cấp thêm kiến thức Kanji ở mức độ trung cấp và các kỹ năng làm bài đọc hiểu. Kết

thức môn học, ngoài việc tăng thêm kiến thức Kanji, có khả năng đọc hiểu, phân tích vấn đề, người học có đủ khả năng tham dự kỳ thi năng lực ngôn ngữ cấp độ N3.

Môn học: **Kanji - Đọc hiểu nâng cao 2**

Mã môn học: JAPA5204

Số tín chỉ:2

Điều kiện tiên quyết: Không

Mô tả tóm tắt: Môn học giới thiệu cho người học các bài đọc dài có nội dung ở nhiều lĩnh vực như kinh tế, xã hội, khoa học tự nhiên... Các bài đọc sẽ có cấu trúc câu dài hơn, phức tạp hơn ở cấp độ N2. Môn học luyện cho người học cách đọc nhanh, tìm ý chính, đoán ngữ cảnh... qua các bài đọc dài. Môn học còn cung cấp, làm tăng thêm vốn từ cho người học; không chỉ các từ vựng mà người Nhật thường sử dụng trong sinh hoạt thường ngày mà cả những lĩnh vực khác. Người học hiểu thêm cách hành văn của người Nhật, giúp người học nâng cao kỹ năng viết luận và có đủ khả năng tham dự kỳ thi năng lực ngôn ngữ cấp độ N2.

Môn học: **Kỹ năng Viết 1**

Mã môn học: JAPA5205

Số tín chỉ:2

Điều kiện tiên quyết: Không

Mô tả tóm tắt: Môn học giúp người học vận dụng những từ ngữ, những cách diễn đạt đã học ở cấp độ sơ-trung cấp để thực hiện viết một bài văn ngắn khoảng 300-400 chữ bằng tiếng Nhật có kết cấu, bố cục rõ ràng cho một đề tài được gợi ý. Môn học kết hợp các kỹ năng đọc và viết, đồng thời cũng luyện cho người học mạnh dạn hơn qua việc sử dụng tiếng Nhật để trả lời câu hỏi của giảng viên và nói chuyện với bạn bè. Kết thúc môn học, người học có khả năng viết về sở thích bản thân, gia đình, miêu tả quê hương, bạn bè ... ở cấp độ sơ trung cấp.

Môn học: **Kỹ năng Viết 2**

Mã môn học: JAPA5206

Số tín chỉ:2

Điều kiện tiên quyết: Không

Mô tả tóm tắt: Môn học tiếp tục kết hợp các kỹ năng đọc - nói - viết, luyện cho người học mạnh dạn hơn trong việc sử dụng tiếng Nhật để trả lời câu hỏi của giảng viên và nói chuyện với bạn bè. Người học sẽ đọc một bài văn mẫu do giảng viên cung cấp liên quan

MW

đến đề tài sẽ viết, sau đó người học sẽ trả lời những câu hỏi có liên quan đến bài đã đọc. Bài viết sẽ được nộp ngay khi giờ học kết thúc. Giáo viên sẽ sửa lỗi sai trong giờ học kế tiếp và người học sẽ trình bày bài viết của mình trước lớp. Kết thúc môn học, người học có khả năng viết về cảm tưởng của bản thân về một người nào đó, viết thư cảm ơn... ở cấp độ sơ trung cấp.

**Môn học: Kỹ năng Viết 3**

Mã môn học: JAPA5207

Số tín chỉ: 2

Điều kiện tiên quyết: Không

Mô tả tóm tắt: Môn học tiếp tục rèn kỹ năng viết cho người học với cấp độ tiếng Nhật cao hơn, nội dung bài viết là các bài báo cáo, thư từ chối, bảng thông báo ...nhằm chuẩn bị cho người học biết cách dùng đúng và chính xác các biểu hiện tình thái, cách xưng hô đúng dùng trong văn phong viết. Kết thúc môn học, người học có khả năng viết bài khoảng 500- 600 chữ bằng tiếng Nhật có kết cấu, bố cục rõ ràng cho một đề tài được gợi ý.

**Môn học: Kỹ năng Viết 4**

Mã môn học: JAPA5208

Số tín chỉ: 2

Điều kiện tiên quyết: Không

Mô tả tóm tắt: Môn học tiếp tục nâng cao kỹ năng viết cho người học với cấp độ tiếng Nhật cao hơn nhằm chuẩn bị cho người học biết cách dùng đúng và chính xác các biểu hiện tình thái, cách xưng hô đúng dùng trong văn viết của tiếng Nhật. Người học sẽ thực hiện viết báo cáo kết hợp trình bày ý kiến đánh giá với khoảng 500-600 chữ. Môn học là cơ sở để người học có thể học tiếp những môn học liên quan đến biên dịch hay soạn thảo thư tín thương mại.

**Môn học: Ngữ pháp tiếng Nhật nâng cao 1**

Mã môn học: JAPA5303

Số tín chỉ: 3

Điều kiện tiên quyết: Không

Mô tả tóm tắt: Môn học trang bị cho người học những điểm văn phạm trung cấp liên quan đến kiến thức ngữ pháp thi năng lực cấp độ 2. Sau mỗi điểm văn phạm là phần luyện tập đặt câu cơ bản và bài tập ứng dụng giúp người học nhớ và biết ứng dụng vào cuộc sống để nghe, nói, đọc, viết và thể hiện điều mình muốn truyền đạt. Ngoài ra, môn

học còn trang bị cho người học những kiến thức về văn hóa, xã hội, con người Nhật Bản qua các câu mẫu, câu ví dụ ở mỗi điểm văn phạm. Người học còn bổ sung thêm Hán tự, từ vựng ở môn học này.

**Môn học: Ngữ pháp tiếng Nhật nâng cao 2**

Mã môn học: JAPA5304

Số tín chỉ:3

Điều kiện tiên quyết: Không

Mô tả tóm tắt: Môn học tiếp tục cung cấp cho người học những điểm văn phạm ở mức độ cuối trung cấp. Sau mỗi điểm văn phạm là phần luyện tập đặt câu cơ bản và bài tập ứng dụng. Trình độ người học sau khi hoàn thành môn học sẽ tương đương tương đương cấp độ N2 theo chuẩn năng lực tiếng Nhật do Hiệp hội hỗ trợ quốc tế Nhật bản và Quỹ giao lưu quốc tế Nhật Bản tổ chức. Người học có đủ năng lực tham dự kỳ thi Năng lực tiếng Nhật do Hiệp hội hỗ trợ quốc tế Nhật bản và Quỹ giao lưu quốc tế Nhật Bản tổ chức ở cấp độ N2.

**Môn học: Ngữ âm học Tiếng Nhật**

Mã môn học: JAPA5209

Số tín chỉ:2

Điều kiện tiên quyết: Không

Mô tả tóm tắt: Môn học cung cấp cho người học những lý thuyết cơ bản về hệ thống ngữ âm, âm vị, các qui luật biến đổi của âm vị trong ngôn ngữ, dấu nhấn, ngữ điệu... Môn học tập trung sửa và chú ý các lỗi sai về phát âm của người học. Kết thúc môn học, người học hiểu rõ các qui tắc, qui luật biến đổi trong hệ thống ngữ âm tiếng Nhật, biết khắc phục lỗi sai và tự luyện tập để có được phát âm chuẩn, hay theo phong cách Nhật.

**Môn học: Cơ sở ngôn ngữ học tiếng Nhật**

Mã môn học: JAPA5305

Số tín chỉ:3

Môn học trước: Cơ sở ngôn ngữ học

Mô tả tóm tắt: Môn học Cơ sở ngôn ngữ học tiếng Nhật là môn học thuộc khối kiến thức ngành của chương trình đào tạo hệ chính qui ngành ngôn ngữ Nhật chất lượng cao. Môn học giúp người học có kiến thức cơ bản ở các cấp độ bình diện của tiếng Nhật như hình thái học (Morphology), ngữ nghĩa học (Semantics), ngữ dụng học (Pragmatics), tri thức về ngôn ngữ học tri nhận. Kết thúc môn học, người học có kiến thức nền tảng về ngôn

*mm*

ngữ học trong tiếng Nhật để vận dụng vào các môn học chuyên ngành, phục vụ cho chuyên môn trong tương lai (giảng dạy, biên dịch, nghiên cứu...) hoặc có cơ sở để so sánh đối chiếu với tiếng Việt.

**Môn học: Từ vựng học Tiếng Nhật**

Mã môn học: JAPA5210

Số tín chỉ:2

Điều kiện tiên quyết: Không

Mô tả tóm tắt: Môn học cung cấp cho người học kiến thức về từ ngữ và cách sử dụng từ ngữ theo từng chủ đề sát với văn phong tiếng Nhật trong đời sống hằng ngày. Sau từng chủ đề là bài tập ứng dụng để người học hiểu và biết áp dụng theo ngữ cảnh. Kết thúc môn học, bên cạnh vốn từ được tăng lên người học còn có khả năng sử dụng các từ ngữ đã học theo đúng ngữ cảnh, làm cơ sở giúp người học có đủ vốn từ để học tiếp các môn học như biên - phiên dịch, đọc hiểu, văn hoá, văn học...

**Môn học: Văn hóa - phong tục Nhật Bản**

Mã môn học: JAPA5211

Số tín chỉ:2

Điều kiện tiên quyết: Không


Mô tả tóm tắt: Văn hóa - Phong tục Nhật Bản là môn học bắt buộc thuộc khối kiến thức ngành. Môn học cung cấp cho người học kiến thức cơ bản về văn hóa, phong tục Nhật Bản cũng như bổ sung thêm từ vựng cho người học. Qua môn học, người học hiểu rõ hơn về văn hóa - phong tục tập quán của người Nhật, từ đó có thể đối sánh với văn hoá - phong tục Việt Nam và ứng dụng hiệu quả cho công việc trong tương lai.

**Môn học: Văn học Nhật Bản**

Mã môn học: JAPA5212

Số tín chỉ:2

Điều kiện tiên quyết: Không

Mô tả tóm tắt: Môn học Văn học Nhật Bản cung cấp cho người học kiến thức cơ bản về lịch sử hình thành và phát triển của văn học Nhật Bản, các trào lưu trong tư tưởng sáng tác qua từng thời kỳ, các tác phẩm, tác giả nổi tiếng trong nền văn học Nhật Bản. Người học sẽ được học các đoạn trích của các tác phẩm trong các giai đoạn hoặc thực hành sáng tác các thể loại thơ nổi tiếng của Nhật Bản. Thông qua đó, người học sẽ hiểu thêm về xã hội, văn hóa, tư tưởng của người Nhật Bản từ xưa đến nay. 

Môn học: **Địa lý Nhật Bản**

Mã môn học: JAPA5213

Số tín chỉ:2

Điều kiện tiên quyết: Không

Mô tả tóm tắt: Môn học Địa lý Nhật Bản là môn học tự chọn thuộc khối kiến thức ngành, nhằm cung cấp cho người học thêm vốn từ vựng cũng như những thông tin khái quát về kinh tế, xã hội Nhật Bản, kiến thức cơ bản về địa lý-xã hội Nhật Bản. Môn học giúp người học có được cái nhìn tổng thể về các đặc điểm địa lý của nước Nhật: thiên nhiên, địa hình, thời tiết, vấn đề thiên tai, điều kiện tài nguyên, sự phân chia hành chính và các đặc trưng của từng vùng trên nước Nhật.

Môn học: **Lịch sử Nhật Bản**

Mã môn học: JAPA5214

Số tín chỉ:2

Điều kiện tiên quyết: Không

Mô tả tóm tắt: Môn học Lịch sử Nhật Bản là môn học tự chọn thuộc khối kiến thức ngành. Môn học cung cấp một số khái niệm, thuật ngữ cơ bản liên quan đến lịch sử Nhật Bản nói riêng và lĩnh vực lịch sử nói chung. Môn học giúp người học hiểu rõ sự hình thành, đặc điểm Văn hoá - Xã hội - Chính trị cơ bản trong các giai đoạn lịch sử, những giai cấp trung tâm của xã hội Nhật Bản trong từng thời kỳ, những cuộc chiến tranh đã kinh qua và đặc trưng của xã hội Nhật Bản ngày nay.

Môn học: **Lý thuyết dịch**

Mã môn học: JAPA5215

Số tín chỉ:2

Điều kiện tiên quyết: Ngữ pháp tiếng Nhật

Mô tả tóm tắt: Môn học trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về công việc dịch thuật. Người học được học lý thuyết dịch qua việc phân tích các cấu trúc câu căn bản trong tiếng Nhật, ý nghĩa và cách sử dụng từ ngữ trong tiếng Nhật và tiếng Việt, đồng thời tìm hiểu rõ văn phong văn bản của tiếng Nhật và tiếng Việt. Kết thúc môn học, người học hiểu được những yếu tố cần thiết cho công việc dịch thuật, xác định được đơn vị dịch, từ đó chọn cho mình một phương pháp dịch phù hợp

Môn học: **Biên dịch 1**

Mã môn học: JAPA5306

Số tín chỉ:3

Điều kiện tiên quyết: Lý thuyết dịch

Mô tả tóm tắt: Môn học trang bị cho người học các kỹ năng biên dịch để ứng dụng vào công tác dịch văn bản sau khi đã hoàn thành môn học Lý thuyết dịch. Ngoài việc rèn cho người học kỹ năng dịch bài còn cung cấp thêm vốn từ vựng, Hán tự và kiến thức về văn hóa-xã hội Nhật Bản. Môn học cũng hướng đến cung cấp thêm cho người học những điểm văn phạm mới trình độ trung cấp và thượng cấp xuất hiện trong bài dịch. Kết thúc môn học, người học có khả năng dịch chính xác văn bản.

Môn học: **Biên dịch 2**

Mã môn học: JAPA5307

Số tín chỉ:3

Điều kiện tiên quyết: Lý thuyết dịch

Mô tả tóm tắt: Môn học giới thiệu cho người học các bài dịch có độ dài và nội dung khó hơn so với môn học Biên dịch 1. Môn học nhằm nâng cao kỹ năng về ngôn ngữ và kỹ thuật dịch văn bản cho người học, làm cơ sở để người học có thể tham dự các học phần kế tiếp có liên quan đến kỹ năng biên dịch như: Biên dịch thương mại, Biên dịch nâng cao, Biên dịch du lịch...Kết thúc môn học, người học có khả năng diễn đạt, sử dụng từ ngữ đúng và tự nhiên theo văn phong ngôn ngữ đích khi thực hiện công tác chuyên ngữ.

Môn học: **Phiên dịch 1**

Mã môn học: JAPA5308

Số tín chỉ:3


Điều kiện tiên quyết: Lý thuyết dịch

Mô tả tóm tắt: Môn học Phiên dịch 1 giới thiệu cho người học tổng quan về nghề phiên dịch, cung cấp kiến thức lý thuyết cơ bản về kỹ năng phiên dịch. Môn học giúp người học từng bước thực hành các thao tác nghe-ghi chép- chuyển ngữ từ tiếng Nhật sang tiếng Việt và tiếng Việt sang tiếng Nhật. Người học thực hành dịch bản tin ở giai đoạn dịch từng câu, có tốc độ nói chậm. Kết thúc môn học, người học trình bày được các đặc tính của nghề phiên dịch, nguyên tắc và các kỹ năng phiên dịch để chuyển tải chính xác nội dung người nói muốn chuyển tải.

Môn học: **Phiên dịch 2**

Mã môn học: JAPA5309

Số tín chỉ:3

Điều kiện tiên quyết: Lý thuyết dịch 

Mô tả tóm tắt: Môn học Phiên dịch 2 tập trung giúp người học phát triển kỹ năng phiên dịch. Môn học tiếp tục hướng đến việc rèn cho người học các thói quen ghi nhận thông tin, thành thạo các kỹ năng phiên dịch và cách khắc phục những sự cố khi phiên dịch. Người học thực hành dịch bản tin với từng đoạn ngắn có tốc độ nói chậm, dịch từ tiếng Nhật sang tiếng Việt và ngược lại. Kết thúc môn học, người học có khả năng ghi nhận, xử lý thông tin, dịch đúng và đầy đủ các ý theo nội dung đã nghe.

**Môn học: Thực hành nghề nghiệp 1**

Mã môn học: JAPA5310

Số tín chỉ:3

Điều kiện tiên quyết: Lý thuyết dịch

Mô tả tóm tắt: Nội dung môn học tập trung vào thực hành biên dịch đa dạng các chủ đề từ tiếng Nhật sang tiếng Việt và tiếng Việt sang tiếng Nhật để người học trau dồi và phát triển kỹ năng dịch thuật. Kết thúc học phần, người học có khả năng đảm nhận biên dịch với thái độ tự tin, biết phân tích và đánh giá sản phẩm dịch của bản thân.

**Môn học: Thực hành nghề nghiệp 2**

Mã môn học: JAPA5311

Số tín chỉ:3

Điều kiện tiên quyết: Lý thuyết dịch

Mô tả tóm tắt: Môn học giúp người học nâng cao khả năng ghi nhận, xử lý thông tin và có thái độ bình tĩnh tự tin khi thực hiện công việc phiên dịch. Người học được thực hành dịch giống như đang thực hiện phiên dịch thực tế. Nội dung các bản tin có tốc độ nói nhanh, yêu cầu mức tập trung cao, khả năng tiếp nhận và xử lý thông tin nhanh chóng để khi kết thúc môn học có khả năng ứng dụng những kiến thức và kỹ năng phiên dịch vào công việc chuyên môn, là tiền đề để phát triển nghề nghiệp bản thân.

**Môn học: Biên dịch thương mại**

Mã môn học: JAPA5216

Số tín chỉ:2

Điều kiện tiên quyết: Lý thuyết dịch

Mô tả tóm tắt: Môn học giúp người học thực hành kỹ năng biên dịch chuyên sâu liên quan đến lĩnh vực thương mại, kinh tế. Ngoài việc rèn cho người học kỹ năng biên dịch, môn học còn cung cấp thêm kiến thức về từ vựng dùng trong lĩnh vực thương mại, kinh tế. Người học thực hành dịch cá nhân và tham gia biên dịch theo nhóm trên lớp để trao đổi ý



kiến, đánh giá sản phẩm dịch dưới sự hướng dẫn của giảng viên phụ trách.

Môn học: **Biên dịch du lịch**

Mã môn học: JAPA5217

Số tín chỉ:2

Điều kiện tiên quyết: Lý thuyết dịch

Mô tả tóm tắt: Môn học trang bị cho người học có kỹ năng dịch sâu hơn sau khi đã hoàn tất học phần Lý thuyết dịch. Ngoài việc rèn cho người học kỹ năng dịch bài còn cung cấp thêm vốn từ vựng dùng trong lĩnh vực du lịch, văn hóa, lễ hội hay ẩm thực Việt Nam và tăng thêm vốn Hán tự cho người học. Người học thực hành dịch cá nhân và được giảng viên góp ý và chỉnh sửa, đồng thời chia nhóm để tham gia dịch các văn bản hay tài liệu có sự chỉ dẫn và đánh giá của giảng viên.

Môn học: **Dịch truyện tiếng Nhật**

Mã môn học: JAPA5218

Số tín chỉ:2

Điều kiện tiên quyết: Không

Mô tả tóm tắt: Môn học giúp người học vận dụng kiến thức lý thuyết dịch vào thực hành biên dịch chuyên sâu liên quan đến truyện tranh, truyện dài của Nhật Bản. Môn học hướng dẫn người học cách sử dụng kiến thức ngôn ngữ của bản thân để chuyển ngữ lời thoại nhân vật, xác định tựa truyện, hướng đọc truyện, cách trình bày dấu câu, cách nói tỉnh lược trong tiếng Nhật. Kết thúc học phần, người học có khả năng dịch tác phẩm và chuyển tải chính xác nội tâm nhân vật, diễn biến truyện theo tác giả xây dựng.

Môn học: **Phiên dịch thương mại**

Mã môn học: JAPA5219

Số tín chỉ:2

Điều kiện tiên quyết: Lý thuyết dịch

Mô tả tóm tắt: Môn học trang bị cho người học kiến thức cơ bản về phương pháp và kỹ thuật chuyển ngữ trong lĩnh vực liên quan đến thương mại, kinh tế. Người học ứng dụng lý thuyết dịch và ứng dụng lý thuyết để giải quyết các tình huống khó khi không tìm ra từ ngữ tương đương trong từ điển. Kết thúc môn học, người học phải nắm vững các yêu cầu khi thực hiện công tác phiên dịch, biết cách ứng dụng phương pháp dịch tùy theo mục đích dịch. *mm/*

**Môn học: Phiên dịch du lịch**

Mã môn học: JAPA5220

Số tín chỉ:2

Điều kiện tiên quyết: Lý thuyết dịch

Mô tả tóm tắt: Môn học trang bị cho người học kiến thức cơ bản về du lịch Việt Nam và Nhật Bản, cung cấp từ vựng chuyên ngành du lịch, kỹ năng phiên dịch trong lĩnh vực du lịch. Người học được rèn luyện kỹ năng chuyên ngữ, kỹ năng giao tiếp, các yếu tố cơ bản của một phiên dịch viên du lịch. Kết thúc môn học, người học phải có khả năng chuyển ngữ phù hợp với từng hoàn cảnh và đối tượng giao tiếp, nắm bắt được tâm lý của những người trực tiếp du lịch.

**Môn học: Giao tiếp trong kinh doanh Nhật Bản**

Mã môn học: JAPA5221

Số tín chỉ:2

Điều kiện tiên quyết: Không

Mô tả tóm tắt: Môn học Giao tiếp trong kinh doanh Nhật Bản giúp cho người học có kỹ năng giao tiếp nội bộ tổ chức và kỹ năng giao tiếp với khách hàng theo phong cách Nhật Bản sao cho hiệu quả, biết vận dụng văn phong Nhật Bản để truyền đạt tư tưởng bằng lời nói, văn bản, điện thoại, email sao cho hợp lý, logic, thuyết phục được đối tác kinh doanh hiểu và chấp nhận những đề nghị của mình. Kết thúc môn học, người học hiểu được vai trò của giao tiếp trong kinh doanh, giao tiếp lịch sự, tự tin và xử lý tốt các tình huống giao tiếp.

**Môn học: Nghiệp vụ văn phòng trong doanh nghiệp Nhật Bản**

Mã môn học: JAPA5222

Số tín chỉ:2

Điều kiện tiên quyết: Kính ngữ trong tiếng Nhật

Mô tả tóm tắt: Môn học cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản và kỹ năng cần có khi làm việc trong doanh nghiệp Nhật Bản như trang phục, cách tiếp khách, cách đối ứng điện thoại, bảo mật thông tin, nguyên tắc đúng giờ, qui tắc Ho-ren-so, tinh thần làm việc nhóm của người Nhật. Kết thúc môn học, người học hiểu rõ những nguyên tắc đó và có được tác phong, hành xử đúng chuẩn mực khi công tác tại doanh nghiệp Nhật Bản.

**Môn học: Kính ngữ trong tiếng Nhật**

Mã môn học: JAPA5223

Số tín chỉ: 2

Điều kiện tiên quyết: Không

Mô tả tóm tắt: Kính ngữ trong tiếng Nhật là môn học bắt buộc thuộc phần kiến thức bổ trợ. Môn học cung cấp cho người học những cách nói tôn kính và khiêm nhường thường được người Nhật dùng trong đời sống hằng ngày và được dạy theo từng tình huống thực tế. Kết thúc môn học, người học có khả năng vận dụng kiến thức vào các môn học như Kỹ năng văn phòng, Phiên dịch du lịch, Tiếng Nhật dùng trong nhà hàng, khách sạn và trong thực tế.

**Môn học: Phương pháp nghiên cứu khoa học**

Mã môn học: JAPA6201

Số tín chỉ: 2

Điều kiện tiên quyết: Không

Mô tả tóm tắt: Môn học phương pháp nghiên cứu khoa học gắn liền với tất cả các chuyên ngành mà người học đang theo học, giúp người học phát triển khả năng sáng tạo, tìm hiểu những hiện tượng xảy ra xung quanh mình, đồng thời biết nghiên cứu và tạo ra cách thức giải quyết vấn đề một cách khoa học. Kết thúc môn học người học có khả năng thực hiện nghiên cứu khoa học với qui mô nhỏ.

**Môn học: Kỹ năng thuyết trình**

Mã môn học: JAPA5225

Số tín chỉ: 2

Điều kiện tiên quyết: Không

Mô tả tóm tắt: Môn học Kỹ năng thuyết trình trang bị cho người học những kiến thức cơ bản cần phải có để thực hiện thuyết trình hiệu quả như: khái niệm về kỹ năng thuyết trình, các phương pháp, cách chuẩn bị dụng cụ trực quan cho buổi thuyết trình. Môn học cũng giới thiệu cho người học những cách nói, từ ngữ, cấu trúc ngữ pháp theo văn phong Nhật để người học khi kết thúc môn học có khả năng sử dụng thành thạo phương tiện giao tiếp sao cho nội dung thuyết trình dẫn dắt được người tham dự, mang lại hiệu quả cao.

**Môn học: Khẩu ngữ trong tiếng Nhật**

Mã môn học: JAPA5226

Số tín chỉ: 2

Điều kiện tiên quyết: Không

Mô tả tóm tắt: Môn học giới thiệu cho người học không chỉ những cách nói lịch sự *mw*

mà cả những qui tắc, những cách nói ngắn, cách nói tinh lược thường dùng của người Nhật hoặc những cách nói chỉ dùng cho nam hoặc chỉ dùng cho nữ ... để người học không bỏ ngỡ khi giao tiếp thực tế với người Nhật và có thể ứng dụng vào môn học Dịch truyện tiếng Nhật, kỳ thi năng lực tiếng Nhật.

Môn học: **Tiếng Nhật dùng trong IT**

Mã môn học: JAPA5227

Số tín chỉ:2

Điều kiện tiên quyết: Không

Mô tả tóm tắt: Môn học không dạy cho người học kỹ năng thực hành tin học mà nhằm mục đích bổ trợ, cung cấp cho người học có thêm vốn từ cơ bản trong lĩnh vực công nghệ thông tin đáp ứng với sự phát triển và nhu cầu của xã hội. Nội dung môn học là các bài dịch có nội dung liên quan đến lĩnh vực IT. Kết thúc môn học, người học có kiến thức cơ bản về nhóm từ thuộc lĩnh vực IT.

Môn học: **Tiếng Nhật dùng trong kinh tế**

Mã môn học: JAPA5228

Số tín chỉ:2

Điều kiện tiên quyết: Không

Mô tả tóm tắt: Môn học trang bị cho người học những từ vựng tiếng Nhật trong lĩnh vực kinh tế. Ngoài ra còn cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về lĩnh vực kinh tế như sản xuất, chi phí, đầu tư, quy luật cung cầu, tiền tệ, tiền công, lợi nhuận,...Người học đọc hiểu bài đọc và rèn thêm kỹ năng dịch có sự chi dẫn, giảng giải và đánh giá của giảng viên.

Môn học: **Tiếng Nhật thương mại**

Mã môn học: JAPA5229

Số tín chỉ:2

Điều kiện tiên quyết: Không

Mô tả tóm tắt: Môn học Tiếng Nhật thương mại cung cấp cho người học kiến thức trong lĩnh vực kinh doanh, giao dịch bằng tiếng Nhật. Nội dung giảng dạy gồm các bài đối thoại đề cập đến nội dung thương lượng, trao đổi quan trọng trong hoạt động kinh doanh. Qua môn học, người học có thêm vốn từ vựng, hiểu được cách sử dụng tiếng Nhật trong lĩnh vực thương mại bằng tiếng Nhật.

Môn học: **Soạn thảo thư tín thương mại**

Mã môn học: JAPA5230

Số tín chỉ:2

Điều kiện tiên quyết: Không

Mô tả tóm tắt: Môn học Soạn thảo thư tín thương mại giúp cho người học có kỹ năng soạn thảo các văn bản, thư tín theo phong cách Nhật Bản sao cho hiệu quả. Thông qua môn học, người học biết vận dụng văn phong Nhật Bản để truyền đạt tư tưởng qua văn bản giấy cũng như qua thư điện tử sao cho súc tích, hợp lý và logic, thuyết phục được cấp trên, cấp dưới, đồng nghiệp hoặc đối tác kinh doanh hiệu và chấp nhận những đề nghị của mình.

Môn học: **Khởi nghiệp**

Mã số môn học: BADM6306

Số tín chỉ:3

Điều kiện tiên quyết: Không


Mô tả tóm tắt: Môn học này cung cấp kiến thức cơ bản về quá trình khởi tạo doanh nghiệp mới trong nền kinh tế thị trường. Môn học trình bày những nội dung cốt lõi như: Tổng quan về khởi nghiệp, quá trình sáng tạo và phát sinh ý tưởng kinh doanh, đánh giá cơ hội của đề án kinh doanh trên thị trường, vấn đề pháp luật trong khởi nghiệp, kế hoạch khởi nghiệp và chiến lược phát triển của doanh nghiệp trong giai đoạn đầu của quá trình hình thành và phát triển.

Môn học: **Định hướng nghề nghiệp và kỹ năng học tập**

Mã số môn học: EDUC6301

Số tín chỉ:3

Điều kiện tiên quyết: Không

Mô tả tóm tắt: Môn học Định hướng nghề nghiệp và kỹ năng học tập giúp người học đánh giá sự phù hợp của bản thân và nghề nghiệp, hiểu và rèn luyện những tố chất cần thiết để thành công trong nghề nghiệp, đồng thời chọn lựa đúng đắn mục tiêu học tập, cũng như các môn học trong chương trình đào tạo để có được nghề nghiệp phù hợp. Bên cạnh đó, môn học trang bị cho người học những kỹ năng quan trọng để giúp người học học tốt trong môi trường học thuật ở bậc đại học, bao gồm các kỹ năng mềm, cũng như các kỹ năng liên quan đến học thuật và nghiên cứu khoa học, một hoạt động bắt buộc của SV tham gia học tập tại chương trình đào tạo Chất lượng cao của Trường ĐH Mở TPHCM. 

**Môn học: Thực tập tốt nghiệp**

Mã môn học: JAPA5402

Số tín chỉ: 4

Điều kiện tiên quyết: Lý thuyết dịch (JAPA5215), Thực hành nghề nghiệp 1 (JAPA5310), Thực hành nghề nghiệp 2 (JAPA5311), Nghiệp vụ văn phòng trong doanh nghiệp Nhật Bản (JAPA5222), Kinh ngữ trong tiếng Nhật (JAPA5223).

Mô tả tóm tắt: Môn học bao gồm những đặc điểm khác biệt so với các môn học khác trong hệ thống khối kiến thức kỹ năng, giáo dục đại cương và khối kiến thức chuyên nghiệp bao gồm: 1. Về hình thức học tập: Người học không tham gia học tập trung theo hình thức học trực tiếp với giảng viên phụ trách môn học, mà tiến hành học tập kiến thức thực tế thông qua thời gian thực tập làm việc chuyên ngành tại các cơ sở thực tập. 2. Kết quả học tập thu được và cũng là tiêu chí đánh giá kết quả học tập là một dạng bài tích hợp tên gọi “Bài báo cáo thực tập nghề nghiệp”.

**Môn học: Khóa luận tốt nghiệp**

Mã môn học: JAPA5601

Số tín chỉ: 6

Điều kiện tiên quyết: Điểm trung bình tích lũy từ 8.0 trở lên

Mô tả tóm tắt: Khóa luận tốt nghiệp là môn học tổ chức vào học kỳ cuối khi người học đã hoàn thành đầy đủ những kiến thức cơ bản về giáo dục đại cương, kiến thức chuyên ngành, các kiến thức bổ trợ khác và đạt điểm trung bình tích lũy từ 8.0 trở lên. Người học sẽ nghiên cứu một vấn đề nào đó mà người học quan tâm và trả lời cho vấn đề đó một cách có hệ thống trong thời gian 12 tuần. Người học làm khoá luận tốt nghiệp phải được sự đồng ý của Giáo viên hướng dẫn và Ban Chủ nhiệm Khoa.

**Môn học: Biên dịch nâng cao**

Mã môn học: JAPA5231

Số tín chỉ: 2

Điều kiện tiên quyết: Biên dịch 2

Mô tả tóm tắt: Biên dịch nâng cao là môn học thuộc khối kiến thức chuyên ngành ở học phần thay thế khoá luận tốt nghiệp trong chương trình đào tạo cử nhân ngôn ngữ Nhật chất lượng cao. Môn học hướng tới sự chuyên sâu và đa dạng trong các chủ đề dịch thuật và đặc biệt tập trung vào kỹ thuật biên dịch từ tiếng Việt sang tiếng Nhật trong nhiều lĩnh vực. Kết thúc môn học, người học có khả năng tự tìm ra các phương pháp dịch phù hợp, có được trình độ dịch thuật chuyên nghiệp nhất định, đủ để làm công tác biên dịch sau

khi tốt nghiệp.

Môn học: **Phiên dịch nâng cao**

Mã môn học: JAPA5232

Số tín chỉ: 2

Điều kiện tiên quyết: Phiên dịch 2

Mô tả tóm tắt: Phiên dịch nâng cao là môn học thay thế khoá luận tốt nghiệp trong chương trình đào tạo chất lượng cao cử nhân ngôn ngữ Nhật. Người học phải có năng lực và kỹ năng phiên dịch ở cấp độ trung cấp để tham gia môn học. Người học sẽ được thực hành dịch như môi trường phiên dịch thật sự và dịch nhiều chủ đề như: kinh tế, thương mại, chính trị, văn hoá, giáo dục... với tốc độ nói nhanh. Kết thúc môn học, người học tự tin và có được trình độ dịch thuật chuyên nghiệp nhất định, đủ để đảm nhận nghề phiên dịch sau khi tốt nghiệp.

Môn học: **Tiếng Nhật dùng trong nhà hàng, khách sạn**

Mã môn học: JAPA5233

Số tín chỉ: 2

Điều kiện tiên quyết: Kính ngữ trong tiếng Nhật

Mô tả tóm tắt: Môn học trang bị cho người học những từ vựng, cách nói dùng trong lĩnh vực phục vụ nhà hàng, khách sạn. Ngoài kiến thức ngôn ngữ, kiến thức văn hoá như Omotenashi cũng được đưa vào trong môn học để người học hiểu được suy nghĩ của người Nhật, từ đó người học sẽ có tác phong phục vụ tốt khi làm việc trong môi trường nhà hàng, khách sạn Nhật Bản.

XIII. Đề cương chi tiết môn học (Phụ lục 3) *MW*

KT. HIỆU TRƯỞNG  
PHÓ HIỆU TRƯỞNG  
ĐẠI HỌC MÔ  
THÀNH PHỐ  
HỒ CHÍ MINH  
*LX*  
Lê Xuân Trường